

VN-Index tăng mạnh 1,4%

Ngày báo cáo

29/7/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng mạnh 1,4%

VN-Index tăng mạnh 1,4% (+24,1 điểm) vào thứ Tư, chốt phiên tại 1.704,7 điểm. Các cổ phiếu thuộc nhóm Vingroup là động lực chính thúc đẩy đà tăng của thị trường. Toàn sàn ghi nhận 169 mã tăng, 141 mã giảm và 61 mã đi ngang. Thanh khoản giảm mạnh so với phiên trước, đạt 14,4 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu liên quan đến Vingroup gồm VIC (+2,6%), VHM (+6,1%), VRE (+6,8%) và VPL (+3,2%) tăng mạnh.
- Diễn biến nhóm Ngân hàng có sự phân hóa, khi BID (+1,0%), CTG (+1,2%) và HDB (+1,6%) ghi nhận mức tăng mạnh, trong khi LPB (-1,7%), STB (-1,4%) và VPB (-1,0%) sụt giảm.
- Nhóm Vật liệu diễn biến tích cực, với HPG (+3,1%), GVR (+1,5%), DCM (+1,3%), DPM (+1,5%) và DGC (+3,0%) cùng tăng điểm.
- Các mã tăng đáng chú ý ở các nhóm ngành khác bao gồm công ty Công nghệ FPT (+3,3%), công ty Dầu khí BSR (+2,3%), các cổ phiếu Hàng tiêu dùng MWG (+3,6%), hãng hàng không VJC (+1,7%) và VNM (+0,7%), công ty Tiện ích GAS (+1,3%), và các công ty Dịch vụ Tài chính TCX (+1,4%) và VCK (+1,9%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.704,7	271,7	126,2
% Δ	1,4%	0,8%	0,3%
- % Δ 1 tuần	2,2%	-1,4%	1,1%
- % YTD	-4,5%	8,5%	4,5%
- % YOY	14,1%	6,4%	18,9%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	547,8	21,2	10,4
- TB 1 tháng (triệu)	671,7	40,7	15,6
- TB 1 năm (triệu)	1.095,0	73,9	28,5
- TB QTD	668,8	41,5	16,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-20,8%	-7,0%	-20,5%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	73,9	0,3	0,3
- Bán (triệu)	77,0	0,6	0,3
- GT ròng (triệu)	-3,1	-0,3	-0,0
Độ rộng TT			
Mã tăng	177	70	132
Mã giảm	141	59	118
Không đổi	106	173	600
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	308,0	17,4	46,4
P/E trượt 12T	12,4	10,3	14,2
LS cổ tức*	3,2%	4,6%	3,7%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.851,0	41.016	1.616,08
VN30F2M	1.850,0	1.448	3,23
VN30F1Q	1.848,0	809	0,41
VN30F2Q	1.846,5	90	0,30
VN100F1M	1.762,6	59	0,14
VN100F2M	1.764,1	15	0,04
VN100F1Q	1.745,1	23	0,00
VN100F2Q	1.761,3	9	0,02
USD/VND		26.335	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Điểm tin & Nhận định nhanh

- HPG công bố KQKD sơ bộ quý 2/2026: lợi nhuận cốt lõi tăng 27% QoQ và 51% YoY; phù hợp kỳ vọng
- DCM: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026 - Báo cáo KQKD
- DGW: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện - Báo cáo KQKD
- FRT: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực - Báo cáo KQKD
- HDC: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương - Báo cáo KQKD
- KDH: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường - Báo cáo KQKD
- PLC: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD
- PVT: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- TV2: LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD
- VGC: LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- VRE: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- MCH: Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu ở mức ít nhất 10% trong nửa cuối năm 2026 - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT
- MSN: MHT đẩy nhanh quá trình giảm đòn bẩy, qua đó mở khóa giá trị hệ sinh thái tiêu dùng cho nhà đầu tư - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

Báo cáo trong ngày

- Cập nhật Ví mô: Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách giám sát tiền tệ của Mỹ
- GAS: Khả năng xuất hiện El Niño sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng sản lượng và LNST trong năm 2027 - Cập nhật

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index hồi phục vượt MA5 quanh 1.690–1.700 điểm, cho thấy nhịp hồi phục ngắn hạn đang được duy trì. Mục tiêu gần trong phiên 30/07 là vùng 1.720 điểm. Tuy nhiên, áp lực bán có thể xuất hiện tại khu vực này; khi đó, vùng 1.700 điểm sẽ đóng vai trò hỗ trợ gần, giúp chỉ số giữ nhịp hồi phục hiện tại. Nếu vượt 1.720 điểm với lực cầu ổn định, mục tiêu tiếp theo của VN-Index sẽ là vùng 1.750 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

HPG công bố KQKD sơ bộ quý 2/2026: lợi nhuận cốt lõi tăng 27% QoQ và 51% YoY; phù hợp kỳ vọng

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) vừa công bố trên website KQKD sơ bộ 6T 2026:

* Doanh thu thuần: 108.870 tỷ đồng (47% YoY; đạt 51% dự phóng 2026 của chúng tôi).

* LNST: 15.480 tỷ đồng (103% YoY; đạt 59% dự phóng 2026).

* LNST cốt lõi: 11.470 tỷ đồng (51% YoY; đạt 52% dự phóng 2026).

* Biên LNST: 14,2% (so với 10,3% trong 6T 2025).

* Biên LNST cốt lõi: 10,5% (so với 10,3% trong 6T 2025).

Kết quả quý 2/2026:

* Doanh thu thuần: 55.557 tỷ đồng (4% QoQ; 53% YoY)

* LNST: 6.424 tỷ đồng (-29% QoQ; 51% YoY)

* LNST cốt lõi: 6.424 tỷ đồng (27% QoQ; 51% YoY)

* Biên LNST: 11,6% (giảm so với 17,0% của quý 1/2026 do khoản lãi bất thường từ bất động sản; và giảm nhẹ so với mức 11,8% của quý 2/2025 – cũng là một nền so sánh cao)

* Biên LNST cốt lõi: 11,6% (tăng QoQ từ mức 9,5% của quý 1/2026 – phù hợp kỳ vọng)

Nhìn chung, KQKD sơ bộ quý 2 khả quan và phù hợp kỳ vọng của chúng tôi.

Xét YoY, cả doanh thu và lợi nhuận cốt lõi đều tăng trưởng đáng kể, tăng lần lượt 53% và 51% trong Q2, chủ yếu nhờ đóng góp từ Dung Quất 2, với sản lượng tiêu thụ HRC trong quý 2 tăng mạnh 64% YoY (và sản lượng HRC 6T tăng 57% YoY). Tuy nhiên, biên LNST cốt lõi hợp nhất lại giảm nhẹ YoY (11,6% trong quý 2/2026 so với 11,8% trong quý 2/2025), điều này chúng tôi cho là do nền so sánh cao của quý 2/2025 – khi biên lợi nhuận mảng bất động sản vượt 200% và biên lợi nhuận mảng thép cũng ở mức cao, do giá nguyên vật liệu đầu vào giảm nhanh hơn giá bán trong quý đó.

So với quý trước, lợi nhuận cốt lõi tăng mạnh 27% chủ yếu nhờ biên lợi nhuận mở rộng, trong khi doanh thu chỉ tăng 4%. Chúng tôi cho rằng biên lợi nhuận mở rộng là nhờ yếu tố thời điểm tồn kho thuận lợi, khi giá bán tăng nhanh hơn giá vốn của lượng hàng tồn kho được tích trữ trước đợt tăng giá hàng hóa do căng thẳng Trung Đông. Mức cải thiện biên lợi nhuận của HPG trong quý 2 cũng phù hợp với KQKD sơ bộ gần đây của HSG (một doanh nghiệp lớn ở khâu hạ nguồn ngành thép dệt), với biên lợi nhuận ròng được ghi nhận cải thiện lên 3,8% từ mức 1,3% của quý trước.

KQKD sơ bộ 6T 2026 của HPG

	Q2 2025	Q1 2026	Q2 2026	QoQ	YoY	6T 2025	6T 2026	YoY	Dự báo 2026	KQ 6T / dự báo 2026
Doanh thu gộp (tỷ đồng)	36,286	53,313	55,557	4%	53%	74,237	108,870	47%	212,020	51%
LNST (tỷ đồng)	4,265	9,056	6,424	-29%	51%	7,614	15,480	103%	26,035	59%
LNST cốt lõi (tỷ đồng)*	4,265	5,046	6,424	27%	51%	7,614	11,470	51%	22,025	52%
Biên LNST	11.8%	17.0%	11.6%			10.3%	14.2%		12.3%	
Biên LNST cốt lõi*	11.8%	9.5%	11.6%			10.3%	10.5%		10.4%	
Sản lượng bán hàng (nghìn tấn)										
Thép xây dựng	1,277	1,431	1,308	-9%	2%	2,469	2,739	11%	5,630	49%
HRC	1,174	1,471	1,925	31%	64%	2,168	3,396	57%	6,720	51%
Ống thép	217	241	212	-12%	-2%	402	453	13%	967	47%
Tôn mạ	111	106	83	-21%	-25%	200	189	-5%	423	45%

Nguồn: HPG, Hiệp hội Thép Việt Nam, Vietcap. Lợi nhuận cốt lõi không bao gồm lãi bất thường từ mảng BĐS trong quý 1/2026.

DCM: LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026 - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo năm 2026 của chúng tôi (3,2 nghìn tỷ đồng, +61% YoY) do (1) giá bán urê trung bình có khả năng thấp hơn dự kiến (đã điều chỉnh mạnh kể từ thỏa thuận hòa bình Mỹ - Iran; giá urê Trung Đông trung bình từ đầu quý 3 đến nay ở mức 390 USD/tấn, -20% YoY, -43% QoQ), (2) giá khí đầu vào cao hơn dự kiến và (3) chi phí quỹ khoa học công nghệ cao hơn dự kiến, qua đó có khả năng ảnh hưởng nhiều hơn so với sản lượng bán cao hơn dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện tại, chúng tôi đang có khuyến nghị MUA đối với DCM với giá mục tiêu 51.000 đồng/cổ phiếu.

6T 2026: Doanh thu đạt 12 nghìn tỷ đồng (+27% YoY, đạt khoảng 61% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo đạt 1.856 tỷ đồng (+55% YoY, đạt khoảng 59% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

+ Tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) sản lượng bán urê +12% YoY và (2) giá bán trung bình urê +25% YoY.

+ Biên lợi nhuận gộp chung mở rộng lên 27,9% (+5,4 điểm % YoY), được thúc đẩy bởi giá bán trung bình urê +25% YoY, lấn át mức tăng 22% YoY của giá khí đầu vào.

+ LNST sau lợi ích CĐTTS tăng nhờ cả tăng trưởng doanh thu và mở rộng biên lợi nhuận.

Quý 2/2026: Doanh thu đạt 6,7 nghìn tỷ đồng (+11% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 1.068 tỷ đồng (+36% YoY).

+ Tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi (1) giá bán urê trung bình +39% YoY và (2) sản lượng bán +14% YoY (68% đến từ xuất khẩu, tương đương quý 1 nhưng cao hơn mức 34% của quý 2/2025). Các yếu tố này bù đắp cho (3) sản lượng bán NPK giảm 29% YoY theo ước tính của chúng tôi (một phần do mức nền cao trong Q2 2025).

+ Biên lợi nhuận gộp chung mở rộng lên 29,8% (+9,3 điểm % YoY, +4,5 điểm % QoQ) nhờ giá bán urê trung bình +39% YoY và sản lượng bán +14% YoY, ảnh hưởng nhiều hơn mức tăng 39% YoY của giá khí đầu vào.

+ LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng chậm hơn so với lợi nhuận gộp chủ yếu do chi phí quỹ khoa học công nghệ trong chi phí quản lý tăng mạnh lên 189 tỷ đồng (gấp 2,7 lần YoY); trong khi lợi nhuận gộp mảng urê tăng gấp đôi YoY và mảng NPK giảm 46% YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DGW: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khách quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
- Báo cáo KQKD

1. KQKD quý 2/2026:

- Doanh thu thuần quý 2/2026 tăng 27% YoY, chủ yếu nhờ mảng máy tính xách tay & máy tính bảng, mảng thiết bị văn phòng và mảng thiết bị gia dụng. Lợi nhuận gộp tăng mạnh 94% YoY, biên lợi nhuận gộp tăng 4,5 điểm % YoY lên mức 13,0%. Mức cải thiện này chủ yếu phản ánh biên lợi nhuận gộp mảng máy tính xách tay cao hơn, do DGW có thể chuyển phần giá đầu vào gia tăng vào giá bán cho khách hàng và, trong một số trường hợp, hưởng lợi từ hàng tồn kho có giá vốn thấp đã thu mua trước đó. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 38% YoY, tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần tăng 60 điểm cơ bản YoY lên mức 8,2%, chủ yếu do chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng tăng. Theo đó, LNST sau lợi ích CĐTS đã ghi nhận mức tăng mạnh 167% YoY.

- DGW đã giảm danh mục chứng khoán kinh doanh trong quý 2/2026, qua đó giảm giá gốc của danh mục từ 789 tỷ đồng tại cuối quý 1/2026 xuống còn 301 tỷ đồng tại cuối quý 2/2026. Vào cuối quý 2/2026, danh mục chủ yếu gồm cổ phiếu KBC và HPG, lần lượt chiếm 66% và 34% giá gốc của danh mục. Trong quý 2, DGW đã ghi nhận khoản lỗ 15 tỷ đồng từ việc bán chứng khoán kinh doanh. Chúng tôi lưu ý rằng DGW bắt đầu đầu tư cổ phiếu trong quý 4/2025 và đã ghi nhận chi phí dự phòng ròng lũy kế 86 tỷ đồng trong quý 4/2025 và quý 1/2026.

2. KQKD từng mảng trong quý 2/2026:

- **Máy tính xách tay & máy tính bảng** (35% doanh thu quý 2): Doanh thu tăng 37% YoY, nhờ mức tăng khoảng 20% YoY của giá bán trung bình (trong bối cảnh giá RAM gia tăng), cùng với số lượng bán máy tính xách tay tăng mạnh (nhu cầu khách hàng do kỳ vọng giá RAM và chip nhớ tiếp tục tăng). Theo GfK, tổng giá trị và sản lượng bán của thị trường máy tính xách tay Việt Nam đã tăng lần lượt 29% và 15% YoY trong quý 2.

- **Điện thoại di động** (28% doanh thu quý 2): Doanh thu tăng 5% YoY, với động lực chủ yếu đến từ sự phục hồi mạnh trong tháng 6, khi doanh thu tăng 113% YoY nhờ nhu cầu cao đối với các dòng điện thoại Xiaomi mới. Diễn biến này đã bù đắp cho kết quả kém tích cực trong tháng 4 và tháng 5.

- **Thiết bị văn phòng** (28% doanh thu quý 2): Doanh thu tăng 47% YoY, do doanh thu máy chủ (server) tăng mạnh (điều này được hỗ trợ bởi quá trình chuyển đổi số đang được triển khai tại các doanh nghiệp).

- **Thiết bị gia dụng** (7% doanh thu quý 2): Doanh thu tăng 38% YoY, nhờ doanh thu TV tăng mạnh trong mùa World Cup 2026, kết hợp với sự gia tăng nhu cầu đối với máy điều hòa và quạt điện trong mùa hè.

- **Hàng tiêu dùng** (3% doanh thu quý 2): Doanh thu giảm 4% YoY, do nhu cầu đối với các sản phẩm chăm sóc sức khỏe yếu, qua đó làm giảm tác động từ việc ghi nhận doanh thu đồ uống tích cực trong mùa World Cup 2026.

3. KQKD 6T 2026: Doanh thu thuần đạt 15.774 tỷ đồng (+40% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS đạt 510 tỷ đồng (+130% YoY), lần lượt hoàn thành 49% và 79% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo năm 2026, dù cần thêm đánh giá chi tiết. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

FRT: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực - Báo cáo KQKD

1. KQKD quý 2/2026: Doanh thu thuần quý 2/2026 tăng 37% YoY, nhờ doanh thu của cả hai chuỗi đều tăng trưởng mạnh. Cụ thể, doanh thu Long Châu và FPT Shop lần lượt tăng 38% YoY và 33% YoY. Lợi nhuận gộp tăng 39% YoY, trong khi biên lợi nhuận gộp tăng 30 điểm cơ bản YoY, đạt 20,2%. Theo ước tính của chúng tôi, biên lợi nhuận gộp của Long Châu tăng 80 điểm cơ bản YoY lên mức 23,7%, qua đó lần đầu tiên vượt mức giảm 1,1 điểm % YoY của biên lợi nhuận gộp FPT Shop (xuống còn 11,5%). Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 26% YoY, chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu. Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm 1,5 điểm % YoY xuống còn 16,4%. Nhờ đó, LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 188% YoY, chủ yếu do LNST sau lợi ích CĐTS của Long Châu ước tính tăng 134% YoY, trong khi biên lợi nhuận ròng của chuỗi ước tính tăng 1,3 điểm % YoY, đạt 3,1% trong quý 2/2026. FPT Shop tiếp tục có lãi, mặc dù LNST sau lợi ích CĐTS trong quý chỉ đạt mức khiêm tốn 1 tỷ đồng trong quý 2/2026.

2. KQKD nửa đầu năm 2026 (6T 2026): Doanh thu thuần đạt 30.743 tỷ đồng (+33% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS đạt 629 tỷ đồng (+119% YoY), lần lượt hoàn thành 48% và 55% dự báo năm 2026 của chúng tôi. Kết quả cao hơn kỳ vọng chủ yếu nhờ biên lợi nhuận ròng của Long Châu cải thiện nhanh hơn dự kiến, trong khi lợi nhuận của FPT Shop nhìn chung phù hợp với dự phóng của chúng tôi. Do đó, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo hiện tại, mặc dù cần thêm đánh giá chi tiết.

3. KQKD của từng mảng trong 6T 2026:

* **Long Châu:** Doanh thu tăng 33% YoY trong 6T 2026, nhờ doanh thu trung bình hằng tháng trên mỗi cửa hàng tăng và mạng lưới cửa hàng tiếp tục được mở rộng. Doanh thu trung bình hằng tháng trên mỗi cửa hàng tăng lên 1,3 tỷ đồng trong 6T 2026, so với 1,2 tỷ đồng trong năm 2025 và đi ngang so với quý 1/2026. Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận ròng đã tăng 80 điểm cơ bản YoY lên mức 2,9% trong 6T 2026, qua đó thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTS tăng khoảng 84% YoY.

* **FPT Shop:** Doanh thu tăng 32% YoY trong 6T 2026. Doanh thu trung bình hằng tháng trên mỗi cửa hàng tăng hơn 34% YoY, đạt 2,5 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng kết quả này chủ yếu nhờ nhu cầu máy tính xách tay tăng mạnh trước kỳ vọng giá RAM và chipset sẽ tiếp tục gia tăng. Biên lợi nhuận gộp giảm 1,1 điểm % YoY xuống mức 11,4% trong 6T 2026. Mặc dù vậy, FPT Shop vẫn tiếp tục báo lãi ròng, với biên lợi nhuận ròng đạt mức khiêm tốn 0,2% trong 6T 2026, trái với khoản lỗ ròng ghi nhận trong 6T 2025. Qua đó, chuỗi tiếp tục duy trì đã có lãi ròng kể từ quý 3/2025.

* **Mở mới cửa hàng:** Tính đến cuối tháng 6/2026, FRT sở hữu mạng lưới gồm 2.639 nhà thuốc (tăng thêm 122 nhà thuốc trong quý 2/2026 và 222 nhà thuốc trong 6T 2026); 236 trung tâm tiêm chủng (tăng thêm 8 trung tâm trong quý 2 và 13 trung tâm trong 6T); cùng 621 cửa hàng FPT Shop (không mở mới trong quý 2 và giảm 2 cửa hàng trong 6T 2026). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HDC: LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương - Báo cáo KQKD

* CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) công bố KQKD quý 2/2026 với doanh thu đạt 94 tỷ đồng (-62% QoQ; +18% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 43 tỷ đồng (-25% QoQ; -25% YoY). Lợi nhuận được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác trị giá 118 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc xác định lại tiền sử dụng đất cho dự án The Light City, qua đó bù đắp một phần cho khoản lỗ từ HĐKD, chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ, và thu nhập tài chính giảm so với cùng kỳ do không có ghi nhận khoản lãi từ việc chuyển nhượng cổ phần tại dự án Đại Dương như trong quý 2/2025.

* Trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), doanh thu tăng 91% YoY lên 343 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng 41% YoY lên 101 tỷ đồng, nhờ hoạt động bán giao BĐS và thu nhập khác tăng so với cùng kỳ. Các số liệu này lần lượt hoàn thành 31% và 32% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.

* Chúng tôi kỳ vọng sẽ không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 ở mức 315 tỷ đồng (-51% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết. Mặc dù dự báo của chúng tôi chưa bao gồm khoản thu nhập khác bất thường được ghi nhận trong quý 2/2026, khoản lãi này có thể bù đắp cho hoạt động bán giao BĐS thấp hơn dự kiến và chi phí tài chính cao hơn dự kiến. Trong khi đó, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng HDC sẽ ghi nhận lợi nhuận từ việc chuyển nhượng dự án Thống Nhất trong nửa cuối năm 2026.

* Tại thời điểm cuối quý 2/2026, tỷ lệ nợ vay ròng trên vốn chủ sở hữu của HDC đạt mức 49,3% so với mức 51,9% vào cuối quý 1/2026 và 41,0% vào cuối năm 2025. Trong quý 2/2026, công ty đã thu về khoảng 290 tỷ đồng còn lại từ việc chuyển nhượng cổ phần tại dự án Đại Dương. Điều này phù hợp với kế hoạch của ban lãnh đạo và kỳ vọng của chúng tôi. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KDH: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 221% YoY nhờ khoản lãi thoái vốn bất thường - Báo cáo KQKD

* CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) công bố doanh thu quý 2/2026 đạt 161 tỷ đồng (-85% YoY và -43% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 750 tỷ đồng (+277% YoY và +166% QoQ). Chúng tôi hiện đang chờ ban lãnh đạo cung cấp thêm thông tin về cơ cấu doanh thu; tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, hoạt động bán giao các căn thấp tầng tại dự án Gladia nhiều khả năng là nguồn đóng góp doanh thu chính. Trong khi đó, lợi nhuận quý 2/2026 được thúc đẩy chủ yếu bởi khoản doanh thu hoạt động tài chính bất thường trị giá 896 tỷ đồng, sau khi KDH hoàn tất chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Bình Trung Mới (vào ngày 23/06), làm giảm tỷ lệ sở hữu từ 51% xuống 49% và Bình Trung Mới trở thành công ty liên kết. Khoản lãi bao gồm 22 tỷ đồng tiền lãi từ việc chuyển nhượng 2% vốn góp (chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ tài sản thuần) và khoản lãi 875 tỷ đồng được tái phân loại từ LNST chưa phân phối đã ghi nhận trong các năm trước.

* Trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), LNST sau lợi ích CĐTS của KDH đạt 1,03 nghìn tỷ đồng (+221% YoY), hoàn thành 64% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù khoản lãi bất thường trong quý 2 chưa được đưa vào dự báo, chúng tôi hiện cho rằng không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 là 1,6 nghìn tỷ đồng (+53% YoY), do chúng tôi kỳ vọng khoản lãi này về cơ bản sẽ được bù đắp bởi giá định ghi nhận số lượng căn thấp tầng tại dự án Gladia trong năm 2026 thấp hơn so với dự kiến trước đây, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Phân khu cao tầng của dự án Gladia (616 căn hộ và 23 căn shophouse) đã được cấp giấy phép bán hàng và dự kiến chính thức mở bán từ ngày 01/08, với số lượng đăng ký đặt chỗ đã vượt 2.000 căn (theo thông tin từ các đơn vị môi giới tính đến ngày 20/07).

* Ngày 07/07, công ty đã thông báo kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, theo đó cổ đông đã thông qua (1) việc KDH tham gia dự án BT Mả Lạn và Chợ Gà - Gạo, và (2) điều chỉnh tổng vốn đầu tư cho dự án Tân Tạo (do công ty con mà KDH sở hữu 100% vốn làm chủ đầu tư; quy mô dự án khoảng 330 ha). Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo bản tin chứng khoán ngày 29/06/2026 của chúng tôi. Chúng tôi chưa đưa dự án BT này vào mô hình định giá và dự báo hiện tại. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PLC: LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD

* Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) công bố KQKD 6T 2026 với doanh thu đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (-7% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 194 tỷ đồng (+189% YoY). Mức tăng trưởng tích cực của lợi nhuận chủ yếu đến từ mức tăng 43% YoY của lợi nhuận gộp, với biên lợi nhuận gộp tổng hợp mở rộng lên 20,6% (+7,2 điểm % YoY). Yếu tố này đã lấn át mức tăng 94% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp, chủ yếu do phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi cũng lưu ý rằng lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm được hỗ trợ bởi khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 45 tỷ đồng (số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho giảm xuống mức 11 tỷ đồng vào cuối quý 2/2026 từ mức 56 tỷ đồng vào cuối năm 2025).

* PLC ghi nhận KQKD quý 2/2026 tích cực, với doanh thu đạt 1,9 nghìn tỷ đồng (-12% YoY) nhưng LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng mạnh lên mức 184 tỷ đồng (+419% YoY). Mức tăng trưởng lợi nhuận này chủ yếu đến từ sự mở rộng biên lợi nhuận ở cả 3 mảng cốt lõi, trong đó biên lợi nhuận gộp mảng nhựa đường mở rộng 10,8 điểm % YoY. Chúng tôi cho rằng lợi nhuận mảng nhựa đường tích cực đến từ (1) các dự án bước vào giai đoạn ghi nhận lợi nhuận và (2) áp lực cạnh tranh giảm bớt từ các nhà cung cấp bitumen Trung Đông sau các gián đoạn tại eo biển Hormuz. Phần lớn các đối thủ cạnh tranh phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu từ Trung Đông, trong khi PLC chủ yếu nhập bitumen từ Singapore, qua đó giúp công ty duy trì nguồn cung tương đối ổn định. Các yếu tố tích cực này đã lấn át (3) mức tăng 109% YoY của chi phí quản lý doanh nghiệp, chủ yếu do phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi nhận thấy dự phòng nợ phải thu khó đòi đã tăng lên mức 380 tỷ đồng vào cuối quý 2/2026 (tăng 73 tỷ đồng QoQ và 100 tỷ đồng so với đầu năm).

* Doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo 6T 2026 lần lượt hoàn thành 44% và 77% dự báo cả năm 2026 tương ứng của chúng tôi. Mức KQKD cao hơn kỳ vọng này chủ yếu đến từ lợi nhuận mảng nhựa đường và mảng hóa chất cao hơn dự kiến, qua đó lấn át mức trích lập dự phòng trong chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn dự kiến. Do đó, chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST năm 2026 của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Trong khi tiến độ giải ngân của Bộ Xây dựng vẫn ở mức thấp trong 6 tháng đầu năm 2026 (19,6 nghìn tỷ đồng, -28% YoY), chúng tôi cho rằng triển vọng nửa cuối năm của PLC vẫn được hỗ trợ bởi tiến độ giải ngân đầu tư công đang tăng tốc và diễn biến cạnh tranh tiếp tục thuận lợi trên thị trường nhựa đường. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PVT: LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo lợi nhuận năm 2026 của chúng tôi, dù cần đánh giá chi tiết hơn, do LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo và cốt lõi 6T 2026 lần lượt hoàn thành 58% và 56% dự báo cả năm của chúng tôi. Lợi nhuận gộp mảng vận tải và EBITDA nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi, trong khi lợi nhuận vượt kỳ vọng chủ yếu đến từ chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính thấp hơn dự kiến.

*** Doanh thu 6T 2026 đạt 9,9 nghìn tỷ đồng (+39% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 872 tỷ đồng (+72% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 64% YoY lên 804 tỷ đồng.** Tăng trưởng lợi nhuận tích cực chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 56% YoY của lợi nhuận gộp mảng vận tải, nhờ giá cước cho thuê tàu chở dầu toàn cầu tăng và đóng góp từ các tàu được mua trong năm 2025, (2) mức tăng 19% YoY của doanh thu tài chính, và (3) mức tăng mạnh của thu nhập khác ròng lên 85 tỷ đồng (+314% YoY), chủ yếu phản ánh khoản bồi thường liên quan đến các tàu bị ảnh hưởng tại Eo biển Hormuz theo các thỏa thuận hợp tác (pool) và cho thuê tàu định hạn. Các yếu tố này đã bù đắp cho mức giảm 16% YoY của lợi nhuận gộp mảng FSO, thương mại & khác và mức tăng 7% YoY của chi phí lãi vay.

*** KQKD quý 2/2026 tích cực, với doanh thu đạt 5,7 nghìn tỷ đồng (+32% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 553 tỷ đồng (+89% YoY). LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng 87% YoY lên 530 tỷ đồng.** Tăng trưởng lợi nhuận tích cực chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 77% YoY của lợi nhuận gộp mảng vận tải, (2) mức tăng 9% YoY của doanh thu tài chính, và (3) mức tăng của thu nhập khác ròng lên 29 tỷ đồng (+147% YoY). Các yếu tố này đã bù đắp cho mức giảm 18% YoY của lợi nhuận gộp mảng FSO, thương mại & khác và mức tăng 9% YoY của chi phí lãi vay.

*** Mảng vận tải là động lực lợi nhuận chính.** Lợi nhuận gộp mảng vận tải quý 2 tăng mạnh 77% YoY lên 880 tỷ đồng, giúp biên lợi nhuận gộp mở rộng lên 28,4% từ mức 21,0% trong quý 2/2025. Kết quả này được hỗ trợ bởi (1) giá cước cho thuê tàu chở dầu tăng đáng kể, với mức cước tham chiếu của tàu Aframax/MR/Handymax lần lượt tăng 89%/51%/50% YoY, và (2) đóng góp từ các tàu được mua trong năm 2025, giúp tổng trọng tải DWT của đội tàu PVT tăng 22% YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TV2: LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD

*** Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi, nhờ thu nhập tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết cao hơn kỳ vọng, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện tại, chúng tôi đang có giá mục tiêu là 33.000 đồng/cổ phiếu đối với TV2.**

*** TV2 đã công bố KQKD 6T 2026 với doanh thu thuần đạt 682 tỷ đồng (+30% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 101 tỷ đồng (gấp 3,1 lần YoY), lần lượt hoàn thành 20% và 93% dự báo cả năm tương ứng của chúng tôi.** Chúng tôi cho rằng tỷ lệ hoàn thành thấp của doanh thu là do đặc thù doanh thu thường được ghi nhận nhiều hơn vào giai đoạn cuối năm. Biên lợi nhuận gộp đạt khoảng 14,4%, cao hơn đáng kể so với mức dự báo 9,6% cho năm 2026 của chúng tôi, chủ yếu do doanh thu EPC ghi nhận ở mức thấp trong 6 tháng đầu năm (mảng này có biên lợi nhuận gộp thấp hơn so với các mảng còn lại).

*** Chúng tôi cho rằng mức tăng mạnh của LNST sau lợi ích CĐTS đến từ (1) mức tăng 11,7 lần YoY của thu nhập tài chính, (2) mức tăng 58% YoY của lợi nhuận từ công ty liên kết nhờ KQKD cải thiện của các công ty liên kết, qua đó lần át (3) mức tăng 2 lần YoY của chi phí tài chính và (4) mức tăng 14% YoY của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp.**

*** Chúng tôi lưu ý rằng mức tăng 11,7 lần YoY của thu nhập tài chính chủ yếu đến từ mức tăng 10 lần YoY của tiền mặt và đầu tư ngắn hạn tại cuối quý 2/2026, xuất phát từ khoản trả trước của khách hàng đạt 2,4 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 2/2026 và 2,3 nghìn tỷ đồng tại cuối quý 1/2026. Các khoản trả trước này chủ yếu đến từ nhà máy điện Ô Môn IV và các dự án sinh khối. Điều này góp phần hỗ trợ cho dự báo doanh thu EPC năm 2026 của chúng tôi ở mức 2,1 nghìn tỷ đồng (gấp 11 lần YoY).**

*** Quý 2/2026: doanh thu thuần đạt 438 tỷ đồng (gấp 2,0 lần YoY), LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo đạt 48 tỷ đồng (gấp 9,1 lần YoY).** Mức tăng trưởng tích cực của LNST sau lợi ích CĐTS cũng được hỗ trợ bởi thu nhập tài chính ở mức cao (gấp 16 lần YoY). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VGC: LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 của chúng tôi (1,7 nghìn tỷ đồng, +20% YoY) do mảng KCN (bao gồm cả diện tích bàn giao KCN và biên lợi nhuận) cùng đã phục hồi của mảng VLXD đều phù hợp với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với VGC với giá mục tiêu là 66.800 đồng/cổ phiếu.

6T 2026: Doanh thu đạt 7,7 nghìn tỷ đồng (+27% YoY, khoảng 46% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 778 tỷ đồng (+3% YoY, 46% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Mức tăng trưởng của doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD (+26% YoY) và mảng cho thuê đất KCN & dịch vụ tiện ích KCN (+21% YoY, diện tích bàn giao KCN +15% YoY lên 75 ha, khoảng 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm còn 28,9% (-3,7 điểm % YoY) do biên lợi nhuận gộp mảng cho thuê đất KCN & dịch vụ tiện ích KCN giảm về 48,3% (-9,7 điểm % YoY, do không có khoản giảm trừ chi phí so với việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thấp hơn trong quý 2/2025), phù hợp với dự báo 48,3% của chúng tôi. Yếu tố này ảnh hưởng nhiều hơn so với đã phục hồi của biên lợi nhuận mảng VLXD lên 17,5% (+1,7 điểm % YoY) so với dự báo 18,3% của chúng tôi.

* LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo chỉ tăng 3% YoY, thấp hơn nhiều so với mức tăng 37% YoY của LNST trước lợi ích CĐTS hợp nhất, do lợi ích CĐTS tăng gần 5 lần YoY, đến từ phần sở hữu của cổ đông thiểu số tại các công ty con mảng KCN.

Quý 2/2026: Doanh thu đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+38% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 563 tỷ đồng (+28% YoY).

* Đã tăng trưởng của doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi (1) doanh thu mảng cho thuê đất KCN & dịch vụ tiện ích KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ (diện tích bàn giao đạt 55 ha so với 35 ha trong quý 2/2025) và (2) đã phục hồi của mảng VLXD (+10% YoY).

* Biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm còn 31,1% (-4,2 điểm % YoY) do biên lợi nhuận gộp mảng cho thuê đất KCN & dịch vụ tiện ích KCN trở về mức bình thường 47,7% (-32,6 điểm % YoY, phản ánh việc không có khoản giảm trừ chi phí một lần), một phần được bù đắp bởi đã phục hồi tiếp diễn của biên lợi nhuận mảng VLXD lên 18,2% (+3,1 điểm % YoY).

* LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo tăng trưởng chậm hơn so với doanh thu do biên lợi nhuận thu hẹp (không có khoản lợi nhuận một lần) và lợi ích CĐTS tăng 2,6 lần YoY. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VRE: LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2026 tăng mạnh 33% YoY, phù hợp với kỳ vọng - Báo cáo Gặp gỡ NĐT & Báo cáo KQKD

* **CTCP Vincom Retail (VRE) công bố KQKD quý 2/2026** với doanh thu đạt 2,4 nghìn tỷ đồng (-8% QoQ, +11% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 1,6 nghìn tỷ đồng (đi ngang so với quý trước, +30% YoY). Mức tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ của LNST sau lợi ích CĐTS trong quý 2/2026 được thúc đẩy bởi (1) mức tăng 21% YoY của lợi nhuận gộp mảng cho thuê bán lẻ, và (2) mức tăng 25% YoY của thu nhập tài chính (chủ yếu là thu nhập lãi từ các khoản đặt cọc đã giải ngân).

* Trong nửa đầu năm 2026 (6T 2026), doanh thu tăng 16% YoY lên 4,9 nghìn tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích CĐTS tăng 33% YoY lên 3,2 nghìn tỷ đồng, nhờ (1) lợi nhuận gộp mảng cho thuê bán lẻ tăng 13% YoY, (2) thu nhập tài chính tăng 29% YoY, và (3) giao dịch chuyển nhượng một BĐS đầu tư không cốt lõi trong quý 1/2026 (lợi nhuận gộp 185 tỷ đồng).

* Do lợi nhuận 6T 2026 hoàn thành 58% dự báo cả năm, chúng tôi cho rằng sẽ không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 hiện tại (5,5 nghìn tỷ đồng; -14% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* **Mảng cho thuê bán lẻ:** Mảng cho thuê bán lẻ ghi nhận tăng trưởng so với cùng kỳ ở cả doanh thu và lợi nhuận trong quý 2/2026 và 6T 2026, nhờ tỷ lệ lấp đầy, giá thuê bình quân tăng so với cùng kỳ và đóng góp từ các TTTM mới khai trương trong năm 2025 (bao gồm VMM Royal Island và Ocean City), cũng như khoản hoàn nhập chi phí khấu hao một lần liên quan đến VMM Ocean Park 1.

- **Trong quý 2/2026**, doanh thu mảng đạt 2,3 nghìn tỷ đồng (+3% QoQ và +10% YoY), biên lợi nhuận gộp đạt 61,1% (+4,9 điểm % QoQ và +5,6 điểm % YoY), biên lợi nhuận gộp điều chỉnh (loại trừ khoản hoàn nhập chi phí khấu hao một lần) tăng 1 điểm % YoY, trong khi biên thu nhập hoạt động ròng (NOI) mảng cho thuê ở mức 63,3% (-7,1 điểm % QoQ và -0,2 điểm % YoY) do chi phí năng lượng và chi phí lương tăng.

- Tỷ lệ lấp đầy bình quân tại các TTTM của VRE trong quý 2/2026 đạt 88,6% (-0,3 điểm % QoQ, +2,3 điểm % YoY), trong khi lượng khách đến các TTTM tăng 11,6% YoY trong 6T 2026.

- **Trong 6T 2026**, doanh thu mảng cho thuê bán lẻ đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+9% YoY) và lợi nhuận gộp đạt 2,6 nghìn tỷ đồng (+13% YoY), lần lượt hoàn thành 47% và 50% dự báo năm 2026 của chúng tôi.

* **Kế hoạch khai trương mới trong nửa cuối năm 2026:** Ban lãnh đạo tiếp tục duy trì kế hoạch mở một Vincom Plaza (VCP) tại Wonder City Đan Phượng (Hà Nội; diện tích sàn cho thuê bán lẻ/GFA khoảng 25.000 m²) vào tháng 8/2026, với tỷ lệ lấp đầy cam kết đạt 93% vào cuối quý 2/2026. Công ty cũng có kế hoạch khai trương khu phố thương mại J-Town tại Mỹ Lâm (Tuyên Quang) vào quý 4/2026, theo mô hình Vincom Collection.

* **Mảng bán BĐS:** Doanh thu mảng bán BĐS trong 6T 2026 (bao gồm giao dịch chuyển nhượng BĐS đầu tư không cốt lõi trong quý 1/2026) đạt 319 tỷ đồng (gấp 5,3 lần YoY). Tính đến cuối quý 2/2026, gần như toàn bộ các căn shophouse đã bán những năm trước đã được bàn giao.

* **Sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo:** Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng định hướng chiến lược của công ty vẫn không thay đổi, việc thay đổi sắp xếp tổ chức nhằm củng cố năng lực thực thi chiến lược hiện tại.

- Ông Trần Lê Phương được bổ nhiệm vào HĐQT, thay thế ông Nguyễn Thế Anh làm đại diện cho Vingroup. HĐQT cũng đã bầu ông Phương làm Chủ tịch HĐQT.

- Bà Trần Mai Hoa, cựu Chủ tịch HĐQT, được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kiêm Phó Tổng Giám đốc Vận hành.

- Bà Phạm Thị Thu Hiền, cựu Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh và Marketing. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MCH: Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu ở mức ít nhất 10% trong nửa cuối năm 2026 - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp gặp gỡ NĐT của CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH) vào thứ Tư. Nhìn chung, KQKD và triển vọng của MCH vẫn tiếp tục tích cực hơn so với toàn ngành. Công ty đã gia tăng thị phần và dự kiến duy trì mức tăng trưởng doanh thu khả quan ở mức khoảng 15% trong trung hạn, nhờ đóng góp từ tất cả các ngành hàng, năng lực đổi mới sản phẩm và thể mạnh phân phối. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, tâm lý tiêu dùng và chi phí đầu vào có thể kìm hãm tăng trưởng, khiến tốc độ tăng trưởng chỉ đạt mức 7% đến 15%. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần chờ thêm đánh giá chi tiết.

Triển vọng và kế hoạch kinh doanh

* Ban lãnh đạo thận trọng đặt mục tiêu cho nửa cuối năm 2026 với doanh thu tăng trên 10%, EBITDA tăng trên 9% và LNST tăng trên 9%, thấp hơn mục tiêu tăng trưởng cả năm ban đầu là 11–15% đối với doanh thu và 10–15% đối với LNST. Ban lãnh đạo nhận định năm 2026 sẽ có nhiều biến động, đòi hỏi công ty phải điều hành thận trọng trước các yếu tố bất lợi từ tình hình địa chính trị và các thách thức từ chi phí đầu vào.

Mảng gia vị

* Danh mục sản phẩm của MCH đã mở rộng đáng kể, không còn chỉ tập trung vào các sản phẩm nước chấm truyền thống mà còn bao gồm gia vị hoàn chỉnh, tiêu cao cấp, nhiều dòng tương ớt, bột nêm theo tiêu chuẩn Nhật Bản, nước tương cao cấp và dầu ăn cám gạo. Hiện MCH đang thu mua khoảng 60% lượng nước mắm cốt của Việt Nam từ các hợp tác xã trên cả nước.

* Chin-Su duy trì 70% thị phần tương ớt, với biên lợi nhuận gộp đạt 54,2% trong quý 2. Nam Ngư tiếp tục phục hồi thị phần thông qua các chiến dịch củng cố uy tín chất lượng và đẩy mạnh hoạt động cao cấp hóa sản phẩm tại kênh bán lẻ hiện đại. Trong nửa cuối năm, ban lãnh đạo đặt mục tiêu tăng trưởng khoảng 12% đối với Chin-Su và trên 10% đối với Nam Ngư. Trong dài hạn, MCH kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận ngành hàng gia vị có thể duy trì tăng trưởng 10–15% trong nhiều năm, do thị trường gia vị Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn phát triển ban đầu so với các nước trong khu vực.

Mảng thực phẩm tiện lợi

* MCH đang nhanh chóng thu hẹp khoảng cách với doanh nghiệp dẫn đầu thị trường. Chênh lệch thị phần đã giảm từ mức trên 10 điểm % xuống còn khoảng 7 điểm %, trong khi công ty đặt mục tiêu vươn lên vị trí số 1 vào cuối năm 2027.

* Omachi gần đây đã ghi nhận mức tăng trưởng 18% và được dự báo sẽ tăng 20% trong nửa cuối năm. Thị phần theo giá trị hiện đạt 18,2%, tăng 3–4 điểm % trong 12 tháng qua; mục tiêu trung hạn là nâng thị phần lên 30%. Các sản phẩm đổi mới mang tính đột phá, như lẩu Tam Hoa và các sản phẩm vị khổ qua, đã thúc đẩy xu hướng cao cấp hóa. Omachi đang được tái định vị từ một thương hiệu “mì ăn liền” thành thương hiệu “bữa ăn tiện lợi”, với các dòng sản phẩm cao cấp kết hợp gạo cao cấp và thảo mộc.

* Kokomi duy trì thị phần ổn định, qua đó tạo nền tảng sản lượng vững chắc, trong khi các phân khúc cao cấp đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng ngành hàng.

Mảng đồ uống

* MCH định vị mảng đồ uống là trụ cột tăng trưởng thứ ba trong tương lai, với quy mô thị trường tiềm năng có thể vượt ngành hàng gia vị và thực phẩm tiện lợi. Sản phẩm mới 247 one shot, dạng cô đặc 50 ml, hướng đến nhóm tài xế và người đi làm bận rộn.

* Dòng trà cao cấp Búp Non thể hiện tham vọng của MCH trong việc vươn lên vị trí số 1 trên thị trường trà. Sau 2–3 năm liên tục cải thiện chất lượng, thương hiệu đang tái ra mắt 5 mã sản phẩm đã nâng cấp. Động lực tăng trưởng trong nửa cuối năm là danh mục sản phẩm đổi mới hướng đến sức khỏe và lối sống lành mạnh. Các sản phẩm này sẽ được tung ra qua kênh tiêu dùng tại chỗ của Retail Supreme.

Mảng hóa mỹ phẩm (HPC)

* Đây là ngành hàng chịu ảnh hưởng lớn nhất từ xung đột địa chính trị. Chi phí nguyên liệu LAS có nguồn gốc từ dầu mỏ tăng khiến biên lợi nhuận gộp giảm 10,7 điểm % YoY, xuống còn 31,8%, mặc dù doanh thu tăng 33%. Do chưa phải là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường và hiện chỉ đứng từ vị trí thứ 2 đến thứ 5 tại các phân khúc, MCH đã tăng giá một cách khá thận trọng để tránh ảnh hưởng đến đà tăng trưởng.

* Chanté (chiếm khoảng 50% doanh thu ngành HPC) được đặt mục tiêu trở thành thương hiệu chăm sóc gia đình số 1 Việt Nam trong các phân khúc nước giặt, nước lau sàn và nước rửa chén. Sau khi đạt khoảng 40% thị phần tại WinMart, thương hiệu đã được mở rộng phân phối ra 40.000–50.000 cửa hàng, với mục tiêu tăng lên 100.000 cửa hàng trong quý tới và 200.000–300.000 cửa hàng trong dài hạn. Việc ra mắt Chanté Active vào tháng 6/2026 giúp mở rộng tệp khách hàng, qua đó hỗ trợ thương hiệu tiếp tục gia tăng thị phần tại kênh truyền thống (GT).

* Giá LAS hiện đang có xu hướng giảm, qua đó tạo điều kiện để biên lợi nhuận phục hồi trong các quý tới.

Biên lợi nhuận

* Biên lợi nhuận gộp giảm QoQ từ mức 46,7% trong quý 1 xuống còn 44,6% trong quý 2/2026, chủ yếu do doanh số ngành hàng gia vị trở lại mức bình thường sau cao điểm Tết và chi phí nguyên liệu của ngành hàng HPC tăng mạnh. Các đợt tăng giá từ tháng 4/2026, được thực hiện nhằm ứng phó với lạm phát chi phí do xung đột địa chính trị (cần khoảng một quý để phản ánh đầy đủ qua hệ thống phân phối). Do đó, quý 3 dự kiến sẽ ghi nhận đầy đủ lợi ích từ quá trình phục hồi biên lợi nhuận. Mặc dù giá bán tăng khoảng 4% trong quý 2/2026, sản lượng vẫn tăng 10%, qua đó cho thấy sức mạnh thương hiệu của MCH. Chi phí logistics tăng từ 3,2% doanh thu cùng kỳ lên 4,4% do giá cước vận chuyển cao hơn. Các yếu tố này lý giải vì sao LNST chỉ tăng 11% (thấp hơn mức tăng trưởng doanh thu 14%).

Retail Supreme và hệ thống phân phối

* MCH đang thực hiện bước chuyển chiến lược từ mở rộng độ phủ sang tối ưu hóa năng suất phân phối, đồng thời tập trung nguồn lực vào các điểm bán có lưu lượng khách hàng cao nhất. Trong quý 2, MCH có 450.000 điểm bán hoạt động (ASO), trong đó khoảng 43.000 điểm bán kinh doanh từ sáu ngành hàng trở lên. Số lượng SKU trung bình trên mỗi đơn hàng đạt 5,8 (so với mục tiêu 7,0 vào cuối năm). Nhóm 30.000 ASO có lưu lượng khách hàng cao nhất đóng góp 40% doanh thu. Các sản phẩm mới có thể được phân phối đến 70.000 điểm bán chỉ trong vòng hai tuần.

* Kênh tiêu dùng ngoài điểm bán: MCH hiện phủ 450.000 trong tổng số khoảng 500.000 điểm bán tại Việt Nam, cho thấy độ phủ đã gần đạt mức tối đa. Kênh tiêu dùng tại chỗ (1 triệu điểm bán tại Việt Nam): MCH đang thâm nhập có chọn lọc vào nhà hàng và quán cà phê, đặc biệt đối với ngành hàng đồ uống. Tỷ trọng đóng góp của các nhà bán buôn đã giảm từ 60% xuống còn 30% và dự kiến ổn định ở mức 20–25% trong dài hạn. Tuy nhiên, các nhà bán buôn vẫn đóng vai trò thiết yếu trong việc tiếp cận các điểm bán tại khu vực xa hoặc có thị trường phân mảnh. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

MSN: MHT đẩy nhanh quá trình giảm đòn bẩy, qua đó mở khóa giá trị hệ sinh thái tiêu dùng cho nhà đầu tư - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Kế hoạch kinh doanh

* Ban lãnh đạo nâng mục tiêu cả năm 2026 nhờ KQKD vượt trội của MHT. Theo kế hoạch điều chỉnh, doanh thu dự kiến đạt 98-105 nghìn tỷ đồng (+20-29% YoY), trong khi LNST sau lợi ích CĐTS đạt 10-11,5 nghìn tỷ đồng (+48%-70% YoY). Ban lãnh đạo thể hiện sự tự tin vào khả năng đạt mức cao trong khung kế hoạch, đồng thời cho rằng LNST có thể đạt 12 nghìn tỷ đồng nếu giá vonfram duy trì quanh mức 3.000 USD/mtu đến cuối năm.

Cấp tập đoàn

* Quá trình giảm đòn bẩy tiếp tục diễn ra nhanh hơn kế hoạch. Tỷ lệ nợ vay ròng/EBITDA 12 tháng gần nhất giảm từ 2,7 lần vào cuối năm 2025 xuống còn 2,4 lần, trong khi ban lãnh đạo đặt mục tiêu đưa tỷ lệ này về 2,0 lần vào cuối năm nay hoặc quý 1/2027. Mặc dù dòng tiền tự do trong 12 tháng gần nhất giảm 2,2%, ban lãnh đạo làm rõ rằng điều này phản ánh việc đẩy nhanh vốn đầu tư XD CB vào kế hoạch mở rộng của WCM và các khoản thu mua tình quặng vonfram mang tính cơ hội ở mức giá có lợi, chứ không phải do sự yếu kém trong khâu vận hành.

* Công ty đã chốt chi phí vay dài hạn ở mức 7,9-8,0% và phòng hộ các khoản vay bằng USD ở mức dưới 9%, qua đó hạn chế ảnh hưởng từ biến động lãi suất. EBITDA chuẩn hóa tại các công ty vận hành mảng tiêu dùng tiếp tục cải thiện mạnh. Tỷ lệ nợ vay ròng/EBITDA của MHT đã giảm từ 10 lần trong năm 2023 xuống dưới 2 lần, trong khi công ty có gần 200 triệu USD tiền mặt trên bảng cân đối kế toán, từ đó cho thấy MHT sắp có khả năng tự tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

* MSN dự kiến xử lý nghĩa vụ thanh toán 750 triệu USD phát sinh từ quyền chọn bán của các nhà đầu tư tổ chức tại TCX thông qua sự kết hợp giữa việc bán một phần cổ phần MSR sau khi doanh nghiệp niêm yết trên HOSE và dòng tiền tự do hằng năm dự kiến đạt 450-500 triệu USD của MSR, thay vì tăng vay nợ.

WinCommerce

* WCM đặt mục tiêu doanh thu quý 3/2026 đạt 13 nghìn tỷ đồng, tương ứng +10% QoQ. Biên lợi nhuận dự kiến cải thiện đáng kể trong nửa cuối năm 2026 và năm 2027, nhờ việc nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống của hàng miền Nam và các khoản tiết kiệm chi phí từ ứng dụng AI bắt đầu được phát huy. WCM cũng đặt mục tiêu cải thiện biên lợi nhuận gộp thêm 1 điểm % nhờ việc tối ưu hoạt động logistics và giảm hao hụt. Trong khi đó, lợi ích từ việc đàm phán với nhà cung cấp dự kiến sẽ bị lấn át một phần bởi mức giá bán thấp hơn khi WCM mở rộng quy mô.

* Trong quý 2/2026, doanh thu của hàng hiện hữu (LFL) tăng 11-14% YoY trong quý thứ tư liên tiếp, trong đó khoảng 70% tăng trưởng đến từ lượng khách và 30% đến từ giá trị giỏ hàng. Mô hình siêu thị mini tại khu vực nông thôn (chiếm 80% số cửa hàng mở mới) đang cho thấy hiệu quả kinh tế vượt trội. Hơn 90% cửa hàng mới đạt điểm hòa vốn EBITDA cấp cửa hàng ngay trong năm đầu tiên, nhờ ngưỡng hòa vốn thấp hơn và mức độ chống lấn cạnh tranh không đáng kể. Ban lãnh đạo cho biết tăng trưởng LFL hai chữ số tiếp tục được duy trì trong tháng 7, qua đó cho thấy hoạt động kinh doanh không chậm lại trong mùa hè.

* LNST cải thiện trung bình 150 tỷ đồng YoY mỗi quý trong 10 quý liên tiếp, qua đó cho thấy khả năng mở rộng biên lợi nhuận theo quy mô. Biên LNST giảm từ 1,8% trong quý 1 xuống 1,2% trong quý 2, chủ yếu do chi phí năng lượng tăng và hoạt động kinh doanh trở lại mức bình thường theo mùa vụ sau Tết.

* Hệ thống siêu thị mini tại miền Nam ghi nhận mức lỗ nhẹ. Trong nửa cuối năm 2026, WCM sẽ ưu tiên tăng cường hiệu quả vận hành và điều chỉnh lại danh mục hàng hóa để phù hợp hơn với thói quen tiêu dùng tại miền Nam, đồng thời đặt mục tiêu đưa mạng lưới này đạt lợi nhuận vào cuối năm.

* Tuy nhiên, cục diện cạnh tranh không bị chống lấn: WCM hướng đến nhóm người tiêu dùng chú trọng sự cân bằng giữa chất lượng và giá cả, trong khi đối thủ lớn nhất vận hành theo mô hình phục vụ nhóm khách hàng nhạy cảm hơn với giá. Tại một tỉnh phía Bắc, nơi đối thủ mở nhiều cửa hàng nhất từ đầu năm đến nay, tăng trưởng LFL của WCM vẫn duy trì trên 10%.

MCH

* KQKD 6T 2026 của MCH: doanh thu tăng 14% nhưng LNST chỉ tăng 12%, phản ánh đặc điểm của giai đoạn đầu tư chủ động. Retail Supreme đã tiếp cận 450.000 điểm bán hoạt động (ASO), trong khi số lượng SKU trên mỗi đơn hàng tăng từ 5,5 lên 5,8 (so với mục tiêu 7,0). Việc chuyển trọng tâm chiến lược từ mở rộng độ phủ sang nâng cao hiệu quả trên mỗi điểm bán xuất phát từ thực tế thị trường đã gần bão hòa. Độ phủ tại kênh truyền thống phục vụ nhu cầu tiêu dùng ngoài điểm bán đã đạt gần 90%, tương đương 450.000 điểm bán, do đó dư địa mở rộng còn tương đối hạn chế. Ban lãnh đạo nhấn mạnh rằng chiến lược này không đồng nghĩa với việc từ bỏ mục tiêu duy trì độ phủ, mà nhằm tối ưu hóa mạng lưới theo nguyên tắc 80/20. Theo đó, MCH sẽ tập trung vào 43.000 ASO có doanh số cao, với mục tiêu nâng số lượng này lên 100.000 điểm bán, do nhóm này hiện đang đóng góp phần lớn vào sản lượng.

* Hoạt động cao cấp hóa tiếp tục là trụ cột chiến lược, thể hiện qua tăng trưởng của Chin-su (+27% YoY), Omachi (+18% YoY) và Chanté (+33% YoY), qua đó cho thấy vị thế dẫn đầu của các thương hiệu trong từng ngành hàng.

* Màng đồ uống tăng 18% trong quý 2 và 7% trong 6T, qua đó bắt đầu ghi nhận chuyển biến tích cực sau khi ban lãnh đạo kiện toàn đội ngũ quản lý và tái định hướng danh mục sản phẩm đổi mới sang các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng sống, dự kiến ra mắt trong nửa cuối năm. Retail Supreme sẽ đóng vai trò là kênh triển khai ban đầu tại các điểm tiêu dùng tại chỗ nhằm thúc đẩy người tiêu dùng dùng thử sản phẩm.

* Hiệu ứng đòn bẩy hoạt động và đa phục hồi biên lợi nhuận dự kiến lùi sang năm 2027 khi đợt triển khai kéo dài 9 tháng của Retail Supreme (bắt đầu từ tháng 9/2025) đi vào ổn định và các khoản đầu tư cho thương hiệu trở lại mức bình thường.

MHT/MSR

* Quý 2 đánh dấu quý có lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động 16 năm của MSR, với LNST đạt 1.660 tỷ đồng và doanh thu tăng gấp 5 lần YoY. Kết quả vượt trội đến từ cả giá và sản lượng, trong đó giá APT trung bình đạt 3.245 USD/mtu, tăng 6,7 lần YoY, còn sản lượng vonfram tăng gấp đôi.

* LNST quý 2/2026 vượt kế hoạch 600-700 tỷ đồng do giá vonfram cao hơn kỳ vọng. Theo MSN, các nghiên cứu của bên thứ ba dự báo giá vonfram trung hạn lần lượt đạt 1.500/2.600/5.000 USD/mtu trong các kịch bản thấp/cơ sở/cao.

* Hiện khoảng 30% lượng quặng đầu vào phục vụ sản xuất của MHT đến từ các mỏ nội bộ. Biên lợi nhuận gộp từ quặng tự khai thác cao gấp 3-4 lần mức 10-20% của quặng mua ngoài. Biên độ lớn của mức 10-20% phụ thuộc vào việc nhà cung cấp quặng có đồng thời chấp thuận mua đầu ra của MSR hay không, và một số yếu tố khác. Ban lãnh đạo kỳ vọng biên EBITDA sẽ cải thiện khi sản lượng quặng tự khai thác tăng từ 1.500 tấn lên 2.100 tấn trong năm 2027 và 5.000 tấn trong giai đoạn 2028-30.

* Hợp đồng bao tiêu với GBI của Hàn Quốc là minh chứng cho lợi thế cạnh tranh bền vững của MSR: nút thắt của ngành nằm ở công suất tinh luyện, thay vì nguồn cung từ các mỏ. Việc xây dựng công suất tinh luyện cạnh tranh cần hàng trăm triệu USD vốn đầu tư XDCB, mất 2-3 năm xây dựng, thêm khoảng một năm để được khách hàng thẩm định và phê duyệt, đồng thời đòi hỏi bí quyết công nghệ độc quyền mà rất ít doanh nghiệp sở hữu. MSR hiện nắm giữ 28-30% thị phần APT toàn cầu và dự kiến nâng công suất lên 8.000 tấn WO₃ vào năm 2027.

* Tỷ lệ nợ vay ròng/EBITDA 12 tháng gần nhất dự kiến giảm từ 2,1 lần tại quý 2/2026 xuống còn 1,0 lần vào cuối năm, đồng thời MSR có thể chuyển sang trạng thái tiền mặt ròng trong năm 2027, qua đó tạo dư địa chi trả cổ tức. Kế hoạch doanh thu cả năm đạt 1,3-1,4 tỷ USD, trong đó doanh thu quý 3 dự kiến đạt gần 500 triệu USD và lợi nhuận có khả năng sẽ vượt quý 2.

* Dự phòng thuế: MSR đã trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản còn tranh cãi với cơ quan chức năng liên quan đến thuế tài nguyên theo quan điểm thận trọng, trong bối cảnh quy định pháp lý đối với mô hình khai thác đa kim và chế biến sâu như Núi Pháo vẫn chưa rõ ràng. LNST quý 2 đạt 1.660 tỷ đồng là số liệu sau khi đã trích lập dự phòng. Ban lãnh đạo xác nhận cuộc thanh tra của Chính phủ năm 2023 không nêu ra vấn đề trọng yếu nào đối với MSR ngoài một số vấn đề mang tính thủ tục hành chính. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Cập nhật Vĩ mô: Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách giám sát tiền tệ của Mỹ

Không có đối tác thương mại lớn nào của Mỹ thao túng tiền tệ: Theo báo cáo “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn” của Bộ Tài chính Mỹ (sau đây gọi tắt là Báo cáo), đánh giá 4 quý tính đến tháng 12/2025 (kỳ đánh giá). Bộ Tài chính Mỹ kết luận rằng trong kỳ đánh giá, không có đối tác thương mại lớn nào thao túng tiền tệ theo Đạo luật Cạnh tranh và Thương mại Tổng hợp năm 1988, và không có đối tác nào đáp ứng cả 3 tiêu chí của Đạo luật Xúc tiến và thực thi thương mại năm 2015 (Đạo luật 2015) để dẫn đến việc phải phân tích sâu hơn.

Việt Nam vẫn nằm trong danh sách giám sát tiền tệ của Mỹ: Việt Nam vẫn nằm trong danh sách giám sát tiền tệ của Bộ Tài chính Mỹ, cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Đức, Ireland và Thụy Sĩ. Khác với báo cáo trước, không có nền kinh tế nào được bổ sung hay loại bỏ khỏi danh sách. Bộ Tài chính Mỹ lưu ý rằng Thái Lan, Singapore và Thụy Sĩ hiện chỉ vượt 1 trong 3 tiêu chí theo quy định và có thể được loại khỏi danh sách giám sát nếu tiếp tục vượt ít hơn 2 tiêu chí trong kỳ báo cáo tiếp theo.

Việt Nam tiếp tục vượt 2 trong 3 tiêu chí của Đạo luật 2015: Trong kỳ đánh giá lần này, Việt Nam tiếp tục vượt ngưỡng của 2 tiêu chí “thặng dư thương mại song phương đáng kể với Mỹ” và “thặng dư cán cân vãng lai cao”.

Đánh giá cho kỳ gần nhất (theo Đạo luật 2015) như sau:

1) Thặng dư thương mại song phương với Mỹ đạt vượt 15 tỷ USD: Theo Báo cáo, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại hàng hóa và dịch vụ với Mỹ đạt 177 tỷ USD trong năm 2025, tăng từ 147 tỷ USD trong kỳ đánh giá trước và gấp gần 12 lần so với tiêu chí. Việt Nam cũng đã vượt Trung Quốc (169 tỷ USD) để trở thành nền kinh tế có thặng dư thương mại song phương lớn thứ hai với Mỹ, chỉ sau Mexico (189 tỷ USD), tăng từ vị trí thứ ba trong kỳ đánh giá trước (4 quý tính đến tháng 6/2025).

2) Thặng dư cán cân vãng lai lớn hơn 3,0% GDP: Việt Nam ghi nhận thặng dư cán cân vãng lai đạt 33 tỷ USD, tương đương 6,7% GDP, cao hơn so với 30 tỷ USD (6,4% GDP) trong kỳ đánh giá trước, và vượt xa ngưỡng 3,0%.

3) Can thiệp một chiều trên thị trường ngoại hối, kéo dài trong ít nhất 8 tháng trong số 12 tháng, với lượng mua ngoại tệ ròng lớn hơn 2% GDP: Theo Bộ Tài chính Mỹ, Việt Nam bán ròng ngoại hối khoảng 1,0 tỷ USD, tương đương 0,2% GDP, và không can thiệp một chiều kéo dài trên thị trường ngoại hối trong kỳ đánh giá.

Việt Nam có thể sẽ vẫn nằm trong danh sách giám sát trong thời gian tới: Theo khung đánh giá của Bộ Tài chính Mỹ, một nền kinh tế sẽ vẫn nằm trong Danh sách giám sát cho đến khi chỉ vượt ít hơn 2 tiêu chí trong ít nhất 2 kỳ báo cáo liên tiếp. Do Việt Nam tiếp tục vượt cả ngưỡng thặng dư thương mại song phương và ngưỡng thặng dư cán cân vãng lai trong kỳ đánh giá này, chúng tôi cho rằng Việt Nam sẽ vẫn nằm trong danh sách này trong các kỳ báo cáo tới.

Việc nằm trong danh sách giám sát không mang lại nhiều tác động trực tiếp, song thặng dư thương mại ngày càng gia tăng có thể tiềm ẩn rủi ro. Chúng tôi cho rằng việc tiếp tục nằm trong danh sách này sẽ không gây ảnh hưởng đáng kể đối với Việt Nam. Tuy nhiên, thặng dư thương mại với Mỹ tăng nhanh có thể khiến vấn đề này bị xem xét kỹ hơn trong khuôn khổ các cuộc đàm phán thương mại sâu rộng giữa hai nước. Về mặt tích cực, Bộ Tài chính Mỹ đã đề cao Tuyên bố chung Mỹ - Việt Nam về các vấn đề kinh tế vĩ mô và ngoại hối. Việc hai bên tái khẳng định cam kết không thao túng tỷ giá và tăng cường hợp tác chính sách cho thấy các nỗ lực đối thoại song phương vẫn đang diễn ra theo hướng rất xây dựng.

GAS: Khả năng xuất hiện El Niño sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng sản lượng và LNST trong năm 2027 - Cập nhật

Ngành	Tiền ích	(tỷ đồng)	2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	29/07/2026	TT Doanh thu	30,5%	-14,0%	7,5%	7,0%
Giá hiện tại	66.900 VND	TT EPS	9,8%	14,0%	11,7%	16,5%
Giá mục tiêu	90.000 VND	LNST-CĐTS báo cáo	11.415	13.015	14.533	16.931
Giá mục tiêu gần nhất	93.600 VND	LNST-CĐTS cốt lõi	11.069	13.015	14.533	16.931
TL tăng	34,5%	P/E báo cáo	14,4x	12,7x	11,3x	9,7x
Lợi suất cổ tức	4,5%	P/B	2,4x	2,2x	2,1x	1,9x
Tổng mức sinh lời	+39,0%	EV/EBITDA	7,9x	10,9x	9,4x	8,2x
GT vốn hóa	160,4 nghìn tỷ đồng			<u>GAS</u>	<u>VNI</u>	
Room KN	76,3 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		14,2x	15,1x	
GTGD/ngày (30n)	92,1 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,3x	2,2x	
Cổ phần Nhà nước	96%	ROA		12,5%	8,8%	
SL cổ phiếu lưu hành	2,4 tỷ	ROE		16,4%	14,1%	
Pha loãng	2,4 tỷ	Nợ ròng/VCSH		-52,2%	N/A	

* Chúng tôi điều chỉnh giảm 4% giá mục tiêu xuống mức 90.000 đồng/cổ phiếu, nhưng vẫn duy trì khuyến nghị MUA đối với Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS).

* Mức giảm đối với giá mục tiêu chủ yếu xuất phát từ: (1) mức giảm 13% đối với phần định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (CKDT), sau khi chúng tôi giảm 6% tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-30 và nâng WACC từ mức 13,6% lên 14,4% (trang 5). Tác động này lần 1: (2) mức tăng 4% đối với phần định giá theo phương pháp hệ số (nhờ dự báo lợi nhuận năm 2026 được điều chỉnh tăng 4%); và (3) tác động tích cực từ việc chuyển thời điểm định giá mục tiêu sang giữa năm 2027.

* Chúng tôi điều chỉnh giảm tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS (với các mức thay đổi lần lượt là +4%/-3%/-14%/-6%/-6% trong các năm 2026/27/28/29/30), với nguyên nhân chủ yếu đến từ việc chúng tôi giảm 5% tổng dự báo sản lượng khí thương phẩm (chủ yếu do mức giảm 52% đối với dự báo sản lượng LNG Sơn Mỹ, qua đó lần 1 tác động từ sự gia tăng của nguồn cung khí trong nước nhờ dự án Su Tử Trắng giai đoạn 2 và dự án mở rộng Hải Thạch – Mộc Tinh). Tác động tiêu cực từ việc giảm dự báo sản lượng cũng lần 1 lợi ích từ việc chúng tôi lần lượt điều chỉnh tăng 15%/2% giả định giá FO/LPG trong giai đoạn 2026-30.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2027 sẽ tăng 12% YoY, nhờ: (1) sản lượng khí và LPG thương phẩm tăng; và (2) LNST của kho cảng Thị Vải tăng 3,3 lần YoY (nhờ sản lượng gia tăng). Các yếu tố này dự kiến sẽ lần 1 tác động từ mức giảm lần lượt 14%/10% YoY của giá FO/LPG.

* GAS hiện sở hữu mức định giá khá hấp dẫn, với P/E dự phóng năm 2026 ở mức 12,7 lần, thấp hơn 22% so với P/E trung bình 5 năm trong quá khứ của công ty. Cổ phiếu cũng có mức PEG tương ứng là 0,6 lần, dựa trên dự phóng tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) của EPS trong giai đoạn 2026-29 là 21%. Mặc dù có khả năng xuất hiện thay đổi trong ban lãnh đạo cấp cao, chúng tôi cho rằng chiến lược và hoạt động của GAS sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể nhờ vai trò chủ chốt của công ty đối với Tập đoàn PVN (trang 15).

* **Rủi ro:** Sản lượng khí thương phẩm thấp hơn kỳ vọng; áp lực cạnh tranh từ Nebula (trang 10).

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	50	0.0	8,620	25,500	196%	0.0%	196%	KQ	17/01/25	24.4	5.8	11.5	0.8
KDH	Bất động sản	25%	723	3.8	16,950	42,600	151%	0.0%	151%	MUA	11/05/26	19.2	12.6	17.4	1.0
NLG	Bất động sản	9%	381	1.7	20,700	45,800	121%	2.4%	124%	MUA	11/05/26	12.1	14.7	17.4	0.8
GEX	Điện & Nước	43%	1,029	14.2	20,700	40,500	96%	2.4%	98%	MUA	06/07/26	18.5	18.4	10.8	1.4
HDC	Bất động sản	48%	97	0.7	11,150	21,400	92%	0.0%	92%	KQ	09/01/26	4.0	8.2	17.4	0.9
VGC	KCN	48%	622	0.6	36,500	66,800	83%	6.0%	89%	MUA	11/05/26	12.3	10.2	13.1	2.0
PVT	Dầu khí	36%	334	2.2	17,000	30,800	81%	5.9%	87%	MUA	13/03/26	8.0	5.5	10.8	1.0
BMI	Bảo hiểm	23%	74	0.1	12,900	23,100	79%	3.9%	83%	MUA	12/04/24	8.6	5.1	14.2	0.7
DPG	Điện & Nước	30%	123	0.6	27,200	48,900	80%	2.2%	82%	MUA	11/06/26	8.4	8.8	13.1	1.1
HDG	Điện & Nước	34%	247	1.4	16,000	28,700	79%	0.0%	79%	MUA	16/07/26	9.5	12.0	17.4	1.0
PLC	Dầu khí	49%	56	0.1	18,400	31,900	73%	5.4%	79%	MUA	12/09/25	109.5	5.9	11.5	1.2
PVS	Dầu khí	33%	655	4.2	33,700	60,000	78%	0.0%	78%	MUA	08/05/26	11.8	11.6	14.2	1.1
DCM	Phân bón	42%	617	2.8	30,700	51,000	66%	8.1%	74%	MUA	25/05/26	9.0	5.6	11.5	1.4
IDC	KCN	34%	509	1.8	32,100	52,700	64%	9.3%	74%	MUA	04/06/26	7.0	6.8	17.4	2.0
HVN	Hàng không	21%	2,547	1.3	21,550	37,100	72%	0.0%	72%	KQ	22/07/25	9.2	7.7	20.6	6.5
CTG	Ngân hàng	6%	8,660	11.0	29,350	50,000	70%	0.0%	70%	MUA	15/05/26	7.5	6.4	10.3	1.2
PTB	Công nghiệp	10%	123	0.1	32,150	52,000	62%	6.5%	68%	KQ	06/10/25	4.3	5.6	13.3	0.9
FRT	Bán lẻ	17%	738	1.7	108,700	180,100	66%	0.0%	66%	MUA	17/06/26	23.3	16.2	10.0	4.4
HPG	VLXD	28%	6,944	19.7	21,650	35,400	64%	2.1%	66%	MUA	12/05/26	12.1	7.2	13.3	1.3
MBB	Ngân hàng	1%	6,762	14.0	22,100	36,000	63%	2.3%	65%	MUA	21/05/26	6.6	5.5	10.3	1.2
DXG	Bất động sản	32%	496	4.8	10,300	17,000	65%	0.0%	65%	MUA	12/06/26	53.3	55.7	17.4	0.9
VTP	GTVT	45%	346	0.8	45,150	71,800	59%	0.0%	59%	PHTT	25/05/26	18.8	22.5	10.8	5.2
VPB	Ngân hàng	7%	7,339	18.1	24,350	38,000	56%	2.1%	58%	MUA	18/05/26	8.1	6.3	10.3	1.1
TCB	Ngân hàng	1%	7,645	18.0	28,400	42,600	50%	4.9%	55%	MUA	11/05/26	8.0	6.9	10.3	1.1
VRE	Bất động sản	38%	1,964	4.4	22,750	34,200	50%	4.4%	55%	PHTT	29/05/26	8.0	9.3	17.4	1.1
DXS	Bất động sản	43%	126	0.4	5,710	8,800	54%	0.0%	54%	KQ	11/06/26	9.7	8.4	17.4	0.5
MWG	Bán lẻ	0%	3,728	15.9	66,500	101,000	52%	1.5%	53%	MUA	14/10/25	13.8	11.7	10.0	2.8

MSN	Bán lẻ	76%	3,678	13.0	66,300	101,200	53%	0.0%	53%	MUA	21/05/25	23.3	22.6	10.8	2.4
REE	Điện & Nước	0%	1,053	1.2	44,500	66,900	50%	2.2%	53%	MUA	22/04/26	11.0	9.7	10.8	1.3
ACG	Gỗ	12%	180	0.0	31,400	45,800	46%	5.4%	51%	MUA	15/07/25	9.9	7.8	13.3	1.1
PHR	Công nghiệp	37%	289	0.8	56,100	82,700	47%	2.3%	50%	MUA	15/07/26	17.3	4.8	11.5	1.8
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2,095	1.1	43,000	59,000	37%	11.6%	49%	MUA	06/01/26	12.8	12.2	12.3	2.8
KBC	KCN	42%	998	4.1	27,900	40,400	45%	3.6%	48%	MUA	01/06/26	12.5	10.9	17.4	1.1
SZC	KCN	19%	119	0.3	17,350	24,700	42%	5.8%	48%	KQ	01/07/26	9.8	23.8	17.4	1.0
PNJ	Bán lẻ	7%	637	13.6	32,750	46,500	42%	6.1%	48%	PHTT	12/07/26	6.4	5.7	8.7	1.2
NT2	Điện & Nước	38%	227	0.4	20,800	28,800	38%	9.6%	48%	MUA	28/05/26	5.6	6.6	11.4	1.1
NVL	Bất động sản	44%	1,173	7.3	12,850	18,600	45%	0.0%	45%	MUA	18/06/26	15.9	20.8	17.4	0.7
VCB	Ngân hàng	10%	17,331	9.4	54,600	78,500	44%	0.0%	44%	MUA	18/05/26	14.1	11.8	10.3	2.0
CTR	CNTT	45%	336	0.6	69,000	96,800	40%	2.2%	42%	KQ	14/04/26	13.2	11.3	13.1	3.9
BID	Ngân hàng	12%	9,804	5.7	35,450	50,500	42%	0.0%	42%	MUA	21/05/26	9.3	8.6	10.3	1.4
FPT	CNTT	22%	4,240	22.5	65,100	90,300	39%	3.5%	42%	MUA	08/06/26	12.5	11.0	14.2	2.8
GAS	Dầu khí	47%	6,224	3.4	67,900	93,600	38%	3.7%	42%	MUA	14/04/26	14.6	13.3	11.4	2.4
QTP	Điện & Nước	-1%	190	0.1	11,100	14,600	32%	9.0%	41%	MUA	10/12/25	4.9	7.6	11.4	0.8
DGC	Công nghiệp	45%	546	1.2	37,850	52,100	38%	2.6%	40%	KQ	20/07/26	5.1	7.5	11.5	0.9
SSI	Chứng khoán	70%	2,209	21.0	23,250	31,600	36%	4.3%	40%	MUA	16/07/26	13.6	14.9	15.5	1.5
TLG	Văn phòng phẩm	89%	172	0.2	47,000	61,900	32%	7.4%	39%	MUA	12/09/25	10.1	7.6	8.7	1.9
BVH	Bảo hiểm	22%	1,664	0.8	59,000	81,000	37%	1.8%	39%	MUA	11/06/26	15.8	11.8	14.2	1.7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	81%	425	0.5	53,400	71,600	34%	3.7%	38%	MUA	26/01/26	8.8	6.8	12.3	1.1
TPB	Ngân hàng	8%	1,486	7.1	14,100	18,600	32%	3.5%	35%	MUA	20/05/26	5.3	5.0	10.3	0.9
MCH	Bán lẻ	84%	6,899	8.0	138,900	181,700	31%	4.3%	35%	PHTT	28/11/25	26.9	23.5	12.3	9.7
F88	Tài chính TT	42%	606	0.4	72,600	98,000	35%	0.0%	35%	MUA	25/06/26	22.2	13.7	15.5	5.3
POW	Điện & Nước	45%	1,556	7.4	13,350	18,000	35%	0.0%	35%	MUA	29/05/26	17.1	14.2	11.4	1.1
AST	DV Hàng không	3%	128	0.0	62,400	80,600	29%	5.6%	35%	MUA	26/08/25	11.2	10.9	10.0	4.9
DHC	Công nghiệp	16%	124	0.4	30,800	40,100	30%	4.2%	34%	MUA	16/12/25	7.6	7.3	13.3	1.4
TV2	Điện & Nước	8%	65	0.1	25,350	33,000	30%	3.9%	34%	KQ	13/07/26	28.8	19.7	10.8	1.4
SCS	DV Hàng không	22%	155	0.2	42,650	51,200	20%	12.9%	33%	PHTT	13/01/26	5.4	5.8	20.6	2.6

GMD	GTVT	9%	1,196	5.8	73,800	95,500	29%	3.4%	33%	MUA	25/05/26	20.0	13.1	10.8	2.3
SIP	KCN	47%	433	0.2	47,100	58,900	25%	6.4%	31%	MUA	20/07/26	9.2	9.2	17.4	2.1
HDB	Ngân hàng	5%	4,849	16.2	25,500	33,000	29%	2.0%	31%	MUA	06/03/26	7.1	6.1	10.3	1.6
DGW	Bán lẻ	25%	297	1.0	35,350	45,400	28%	2.8%	31%	KQ	18/06/26	14.3	12.2	10.0	2.1
PVD	Dầu khí	41%	648	8.8	18,400	24,150	31%	0.0%	31%	MUA	09/04/26	11.4	15.3	14.2	1.0
PPC	Điện & Nước	45%	108	0.0	8,840	11,000	24%	5.7%	30%	KQ	10/12/25	17.4	8.8	11.4	0.6
VIB	Ngân hàng	2%	1,862	6.7	14,400	18,500	28%	0.0%	28%	KQ	23/05/25	6.7	5.5	10.3	1.0
PLX	Xăng dầu	6%	1,590	2.6	32,950	41,100	25%	3.6%	28%	MUA	13/10/25	17.1	14.3	14.2	1.7
DPM	Phân bón	47%	594	2.9	23,000	28,000	22%	6.5%	28%	PHTT	25/05/26	17.6	9.7	11.5	1.3
ACB	Ngân hàng	6%	4,917	15.0	22,300	27,100	22%	3.1%	25%	MUA	21/05/26	7.4	6.5	10.3	1.3
ACV	Hàng không	47%	5,247	0.8	38,700	48,000	24%	0.0%	24%	PHTT	18/05/26	12.4	12.3	10.8	1.9
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4,764	10.1	60,000	70,300	17%	6.7%	24%	MUA	24/04/25	13.3	14.3	12.3	3.8
GVR	Công nghiệp	12%	4,065	1.7	26,750	32,100	20%	1.5%	21%	PHTT	20/07/26	20.1	15.6	11.5	1.8
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	662	0.2	47,400	53,400	13%	8.4%	21%	KQ	30/08/24	9.1	6.8	12.3	1.6
BWE	Điện & Nước	47%	418	0.6	43,800	51,600	18%	3.0%	21%	MUA	13/05/26	11.3	12.1	11.4	1.8
BMP	VLXD	17%	461	0.9	148,100	163,000	10%	10.5%	21%	MUA	17/06/26	10.0	9.5	13.1	4.3
NKG	VLXD	45%	204	0.7	10,900	13,100	20%	0.0%	20%	PHTT	18/04/25	24.7	8.4	13.3	0.7
PC1	Điện & Nước	41%	336	3.2	21,500	24,700	15%	0.0%	15%	KQ	21/07/26	9.6	14.6	13.1	1.3
VHM	Bất động sản	43%	21,845	28.6	140,000	153,700	10%	4.3%	14%	PHTT	29/05/26	13.7	10.5	17.4	2.2
BSR	Lọc hóa dầu	48%	4,717	9.2	24,800	27,000	9%	2.8%	12%	PHTT	18/03/26	23.9	7.6	14.2	1.8
VEA	Ô-tô	48%	1,711	0.2	33,900	30,800	-9%	14.2%	5%	PHTT	28/10/25	6.2	6.3	10.8	1.6
TDM	Điện & Nước	49%	274	0.3	59,000	60,600	3%	2.2%	5%	KQ	13/05/26	33.9	32.9	11.4	2.8
STB	Ngân hàng	19%	5,121	12.4	71,500	73,500	3%	0.0%	3%	PHTT	18/05/26	25.1	22.5	10.3	2.2
HSG	VLXD	46%	327	1.3	10,650	10,400	-2%	4.7%	2%	PHTT	18/04/25	13.7	14.7	13.3	0.7
OIL	Dầu khí	6%	513	1.0	13,200	12,700	-4%	0.8%	-3%	KQ	17/10/25	32.2	29.1	14.2	1.2
VJC	Hàng không	24%	3,667	15.9	125,500	114,000	-9%	0.0%	-9%	KQ	15/03/24	35.0	14.0	20.6	3.7
LPB	Ngân hàng	4%	5,969	19.3	52,600	39,300	-25%	1.9%	-23%	KKQ	18/11/25	13.9	14.5	10.3	3.7
VIC	Bất động sản	45%	64,695	36.7	219,400	110,000	-50%	0.0%	-50%	BÁN	12/06/26	144.4	62.2	17.4	11.5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT: PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	51	122.809	2.408	20	13,1	10,3	8,7	15,2	1,5	19,2	14,7	11,2	1,8	3,5%
KHẢ QUAN	17	11.727	690	2	10,3	11,3	9,2	14,3	1,9	19,0	15,7	13,1	1,8	2,4%
PHÙ HỢP TT	14	53.831	3.845	3	18,0	14,9	11,6	17,2	2,1	23,6	15,9	12,5	2,4	4,4%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.969	5.969	0	17,0	13,9	14,5	10,4	3,7	17,0	13,9	14,5	3,7	1,9%
BÁN	1	64.695	64.695	1	137,1	144,4	62,2	72,4	11,5	137,1	144,4	62,2	11,5	0,0%
TỔNG CỘNG	84	259.031	3.084	26	18,1	14,8	12,1	16,9	2,2	21,3	16,6	12,5	2,0	3,4%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	81.745	6.812	11	10,7	9,2	8,0	12,8	1,4	10,5	9,9	8,8	1,6	1,6%
Bảo hiểm	2	1.738	869	1	20,0	15,2	11,2	21,2	1,6	15,1	12,2	8,5	1,2	2,8%
Chứng khoán	1	2.209	2.209	1	18,6	13,6	14,9	18,5	1,5	18,6	13,6	14,9	1,5	4,3%
Tài chính thay thế	1	606	606	0	45,5	22,2	13,7	30,0	5,3	45,5	22,2	13,7	5,3	0,0%
Tiêu dùng	13	26.142	2.011	4	16,8	14,5	13,5	19,4	3,1	19,8	14,0	12,1	3,0	5,3%
CNTT	1	4.240	4.240	1	15,2	12,5	11,0	17,4	2,8	15,2	12,5	11,0	2,8	3,5%
Bất động sản	9	91.499	10.167	2	58,1	37,0	26,1	26,2	4,3	33,7	31,1	22,5	2,2	1,2%
Vật liệu	4	7.935	1.984	1	15,3	12,2	7,5	19,0	1,3	13,4	15,1	9,9	1,8	4,3%
Điện & Nước	12	5.625	469	1	19,3	12,5	12,5	18,4	1,2	25,0	14,7	13,8	1,3	3,4%
Dầu khí	10	15.950	1.595	2	22,3	16,2	10,2	20,9	1,7	32,5	25,5	11,8	1,4	3,7%
Công nghiệp	5	1.023	205	0	6,6	5,9	7,2	8,8	1,0	10,7	10,2	6,8	1,0	3,8%
Khu công nghiệp	7	7.034	1.005	1	20,0	14,6	11,7	19,6	1,7	20,7	12,6	11,6	1,7	5,0%
GTVT & Logistics	7	13.286	1.898	1	12,8	14,4	11,4	18,0	2,8	16,0	16,0	12,3	3,9	3,1%
TỔNG CỘNG	84	259.031	3.084	26	18,1	14,8	12,1	16,9	2,2	21,3	16,6	12,5	2,0	3,4%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID		8%	KQ		
CTG		17%	MUA		
HDB		17%	KQ		
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB		20%	MUA		
STB		11%	PHTT		
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB		5%	MUA		
VCB		19%	MUA		
VIB		22%	KQ		
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI		68%	MUA		
BVH		33%	MUA		
SSI		-7%	MUA		
F88		62%	MUA		
Tiêu dùng					
CTR		17%	KQ		
DGW		17%	KQ		
FPT		14%	MUA		
FRT		44%	MUA		
MSN (2)		42%	MUA		
MCH		15%	PHTT		
MWG		18%	MUA		
PNJ		11%	PHTT		
QNS		33%	KQ		
SAB		5%	MUA		
TLG		20%	MUA		
VEA		-1%	PHTT		
VHC		25%	MUA		
VNM		6%	MUA		

GTVT & Logistics				
ACV		3%	PHTT	
AST		6%	MUA	
GMD (2)		30%	BUY	
HVN		19%	PHTT	
SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		-16%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		15%	KQ	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-23%	MUA	
KDH		52%	MUA	
NLG		-18%	MUA	
VHM		31%	PHTT	
VIC		132%	BÁN	
VRE		-14%	PHTT	
Khu công nghiệp				
GVR		15%	KQ	
IDC		3%	MUA	
KBC		15%	MUA	
PHR		118%	MUA	
SIP		6%	MUA	
SZC		-59%	KQ	
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG		26%	MUA	
BMP		5%	MUA	
DGC		-33%	MUA	KQ
DHC		3%	MUA	
HPG		68%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)	8%	-8%	MUA	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX		1%	MUA	
HDG		22%	KQ	
NT2	61%	-16%	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng
PC1		N/A	N/A	
POW		20%	MUA	
PPC		99%	KQ	

QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	
TDM (2)	-47%	0%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ	LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG		-4%	MUA	
VGC	3%	12%	MUA	LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bàn giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đã phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		61%	MUA	
DPM		82%	PHTT	
GAS		10%	MUA	
OIL (2)		39%	KQ	
PLX (2)		19%	MUA	
PLC		834%	MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		7%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.704,68	24,06
VN 30	1.849,12	24,77
VN Mid	1.831,47	5,25
VNSmall	1.215,75	6,83

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	271,68	2,23
HNX30	449,14	-0,07
VNX Allshare	2.735,08	26,08

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	126,15	0,41

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.630,9	18,3%
Khối ngoại mua	1.944,0	13,5%
Khối ngoại bán	2.026,5	14,1%
Tổng giao dịch	14.414,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	81,1	14,5%
Khối ngoại mua	8,2	1,5%
Khối ngoại bán	14,9	2,7%
Tổng giao dịch	558,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	14,8	5,4%
Khối ngoại mua	8,1	3,0%
Khối ngoại bán	9,2	3,4%
Tổng giao dịch	274,1	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TV2	1.650	7,0%
ACC	310	6,9%
VRE	1.450	6,8%
VHM	8.100	6,1%
VCI	1.100	5,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SCG	4.300	6,9%
HGM	5.000	4,1%
PVC	300	2,6%
S99	200	2,5%
PLC	400	2,2%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BNW	2.000	10,0%
PHP	2.317	6,6%
DHB	789	5,7%
MML	1.368	5,2%
FOC	1.734	2,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
NAB	-400	-3,3%
VPX	-550	-2,2%
NTL	-300	-2,1%
HHS	-200	-2,1%
ELC	-300	-2,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
C69	-700	-3,8%
BVS	-600	-2,3%
MST	-200	-2,1%
SLS	-2.000	-1,6%
L40	-200	-0,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TOS	-14.432	-14,0%
TVN	-227	-2,6%
C4G	-109	-2,0%
LSG	-428	-1,3%
VIW	-234	-1,0%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VHM	1.252,6
VIC	1.076,1
HPG	800,0
SHB	698,0
FPT	553,1

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HUT	115,0
SHS	77,7
MBS	70,4
VC3	31,7
CEO	31,7

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
ABB	47,1
TOS	40,0
MSR	24,2
HNG	16,4
F88	11,4

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ACC	6.170.372	255.651
PET	5.894.184	1.119.742
SKG	348.334	71.759
TCO	914.600	253.088
VTP	1.251.727	380.768
CTF	1.178.873	384.244
PVD	22.491.492	7.925.705
TV2	308.000	145.637
RYG	537.300	263.805
TLD	487.100	245.512

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
S99	317.816	50.452
L40	425.533	168.056
DST	515.795	230.757
TIG	936.462	677.073
VTZ	1.176.600	970.730
VC7	91.550	75.870
NRC	2.312.612	1.961.939
AMV	634.636	570.494
HUT	2.945.765	2.750.682
PLC	110.813	109.862

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DHB	246.486	71.538
PHP	216.847	111.287
VTD	280.964	155.248
BIG	650.346	364.443
QNS	215.517	128.593
DRI	619.968	392.655
VEA	267.153	187.854
F88	157.959	129.113
C4G	247.733	208.248
PIV	108.308	94.105

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.400		14,1	1,9	11,4%
TCX	4.075	90,7%	17,3	2,3	13,7%
VCK	2.697	96,3%	15,2	2,3	17,2%
SSI	2.210	70,0%	10,8	1,5	0,0%
VPX	1.721	95,8%	8,4	1,3	16,2%
HCM	1.295	14,8%	19,1	2,3	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	549		11,1	1,4	5,5%
BVH	1.664	21,7%	14,8	1,7	0,0%
PVI	632	43,1%	12,6	1,8	15,2%
BIC	163	7,6%	9,1	1,3	0,0%
VNR	150	22,8%	8,4	1,0	0,0%
MIG	133	83,0%	10,5	1,3	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.441		15,0	3,1	9,1%
ACV	5.249	47,3%	12,9	1,9	0,0%
MVN	2.498	0,0%	28,0	4,5	0,0%
VEA	1.712	47,6%	5,9	1,6	0,0%
GEE	1.548	48,9%	11,4	5,1	45,6%
GMD	1.196	8,6%	16,6	2,3	0,0%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.631		17,6	4,1	16,3%
MCH	6.901	84,5%	25,6	9,7	40,1%
VNM	4.765	50,7%	12,2	3,8	0,0%
MSN	3.679	76,1%	14,3	2,4	19,4%
SAB	2.096	41,3%	11,6	2,8	22,3%
SBT	713	80,4%	24,4	1,7	0,0%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.625		14,2	1,4	0,0%
BSR	4.719	47,9%	9,5	1,8	0,0%
PLX	1.591	6,0%	23,5	1,7	0,0%
PVS	655	33,3%	8,9	1,1	0,0%
PVD	649	41,4%	14,4	1,0	0,0%
OIL	513	6,4%	14,6	1,2	0,0%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.052		10,8	1,7	0,0%
GAS	6.226	47,0%	14,1	2,4	0,0%
POW	1.556	45,3%	11,9	1,1	0,0%
REE	1.053	0,0%	10,5	1,3	0,0%
PGV	950	50,0%	5,7	1,4	0,0%
DNH	474	0,0%	11,9	2,3	0,0%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.600		124,2	5,7	18,5%
VIC	64.717	44,9%	145,7	11,5	0,0%
VHM	21.852	42,5%	8,9	2,2	0,0%
KSF	2.664	50,0%	4,6	3,3	77,4%
VRE	1.964	37,7%	7,1	1,1	15,0%
THD	1.804	48,9%	454,7	10,7	0,0%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	10.159		8,1	1,4	6,7%
VCB	17.337	9,9%	12,7	2,0	0,0%
BID	9.807	12,5%	8,1	1,4	0,0%
CTG	8.663	5,5%	6,0	1,2	0,0%
TCB	7.648	1,4%	7,4	1,1	15,7%
VPB	7.341	6,6%	6,5	1,1	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.185		26,7	4,2	0,0%
VPL	5.241	42,7%	55,0	3,6	0,0%
MWG	3.729	0,0%	12,0	2,8	0,0%
VJC	3.668	23,8%	38,2	3,7	0,0%
HVN	2.548	21,5%	7,1	6,5	0,0%
FRT	739	17,5%	21,3	4,4	0,0%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.838		11,7	2,4	8,5%
HPG	6.946	27,5%	8,7	1,3	0,0%
GVR	4.066	12,4%	17,0	1,8	0,0%
MSR	1.508	99,9%	16,3	2,8	19,0%
KSV	1.055	0,0%	10,6	4,6	0,0%
DCM	618	42,5%	6,2	1,4	23,7%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	242		36,4	2,9	12,0%
DHG	455	46,0%	12,4	3,5	24,1%
IMP	209	5,3%	15,3	2,4	15,6%
DHT	201	9,3%	131,9	4,8	3,7%
DBD	176	83,4%	15,9	2,7	16,6%
DVN	170	-0,0%	6,5	1,2	0,0%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	932		-3,5	1,4	5,3%
FPT	4.241	22,1%	11,1	2,8	26,5%
CMG	212	13,5%	13,5	1,7	0,0%
SAM	88	48,5%	23,1	0,6	0,0%
ELC	61	46,5%	13,3	1,2	0,0%
SGT	57	-5,5%	-78,5	0,7	0,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

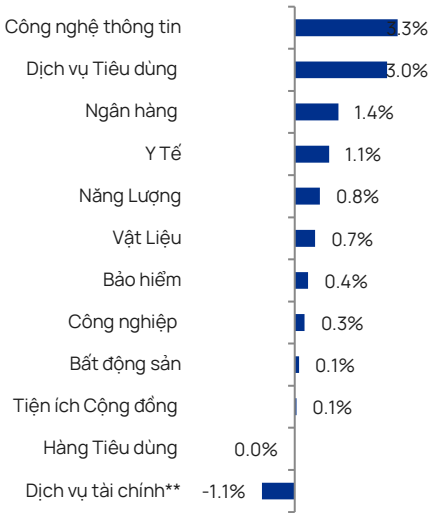
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



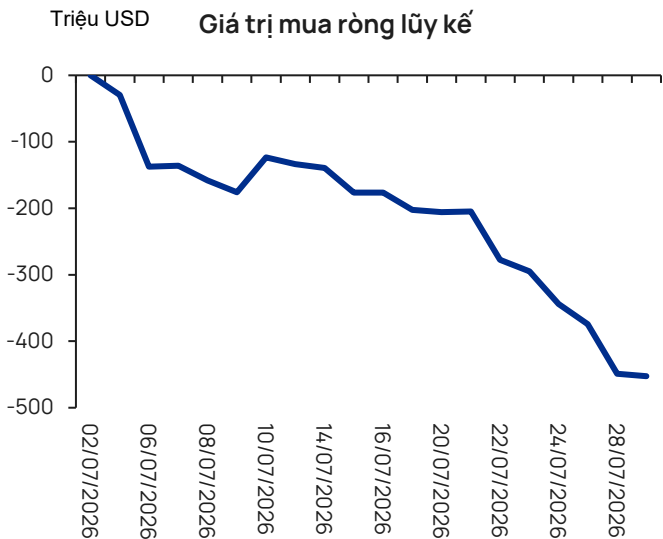
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



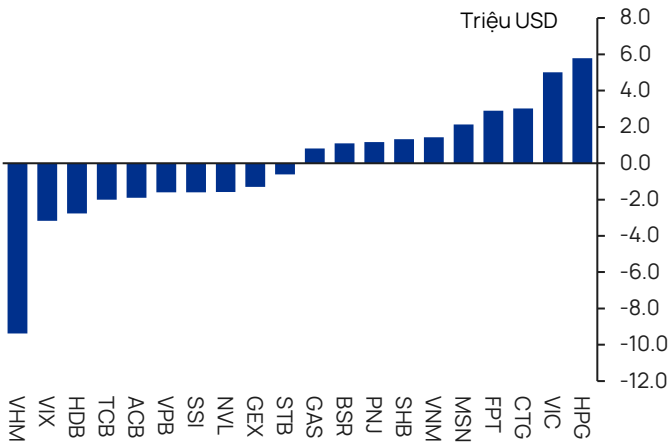
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

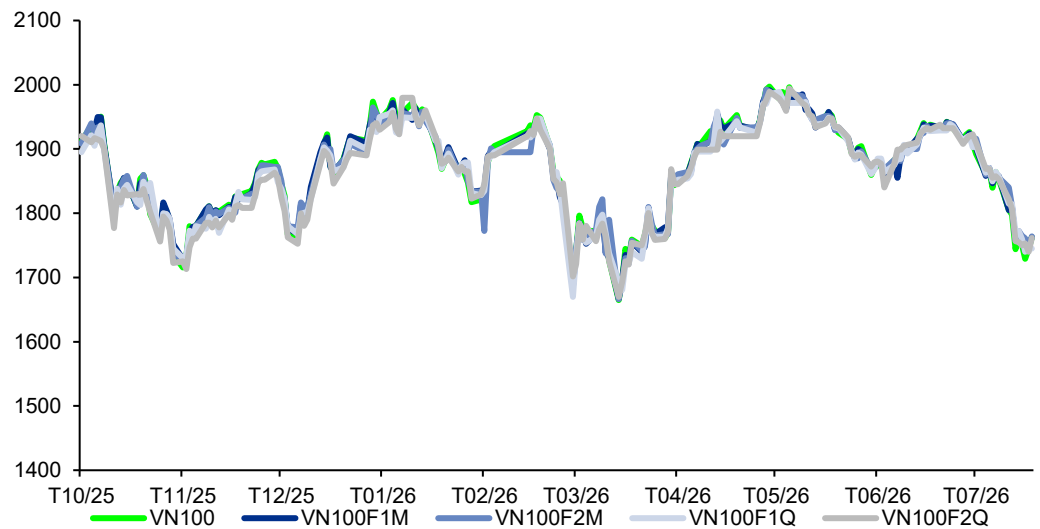
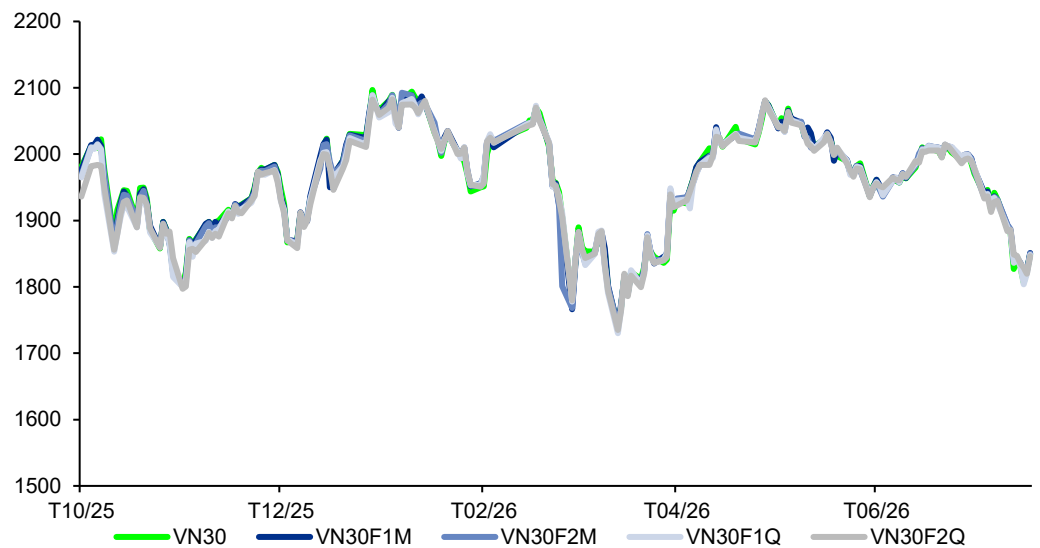


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.851,0	27,0	1,5%	1,9
VN30F2M	1.850,0	26,0	1,4%	0,9
VN30F1Q	1.848,0	28,0	1,5%	-1,1
VN30F2Q	1.846,5	26,5	1,5%	-2,6
VN100F1M	1.762,6	12,2	0,7%	0,0
VN100F2M	1.764,1	18,0	1,0%	1,5
VN100F1Q	1.745,1	0,0	0,0%	-17,5
VN100F2Q	1.761,3	21,5	1,2%	-1,3

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	41.016	0,0%	229,75	-13,9%
VN30F2M	1.448	0,0%	0,46	-28,6%
VN30F1Q	809	0,0%	0,06	-46,3%
VN30F2Q	90	0,0%	0,04	-60,6%
VN100F1M	59	0,0%	0,02	-69,1%
VN100F2M	15	0,0%	0,01	-86,0%
VN100F1Q	23	0,0%	0,00	-100,0%
VN100F2Q	9	0,0%	0,00	50,0%

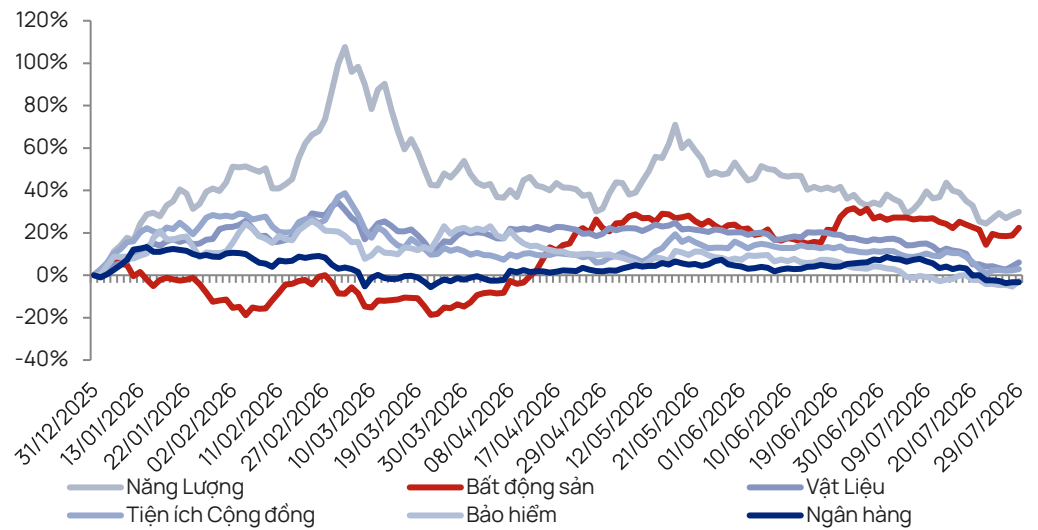


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

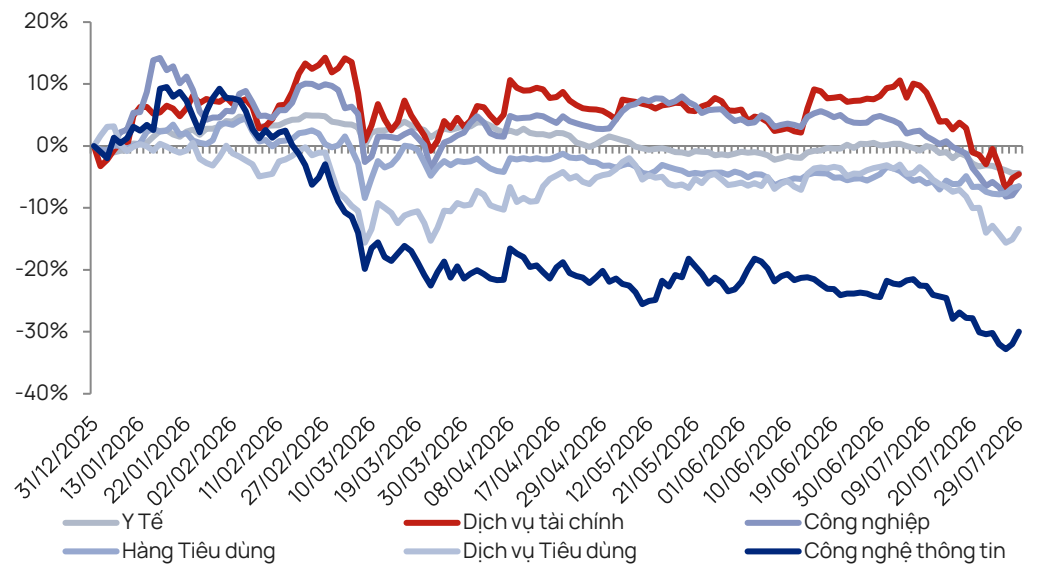
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



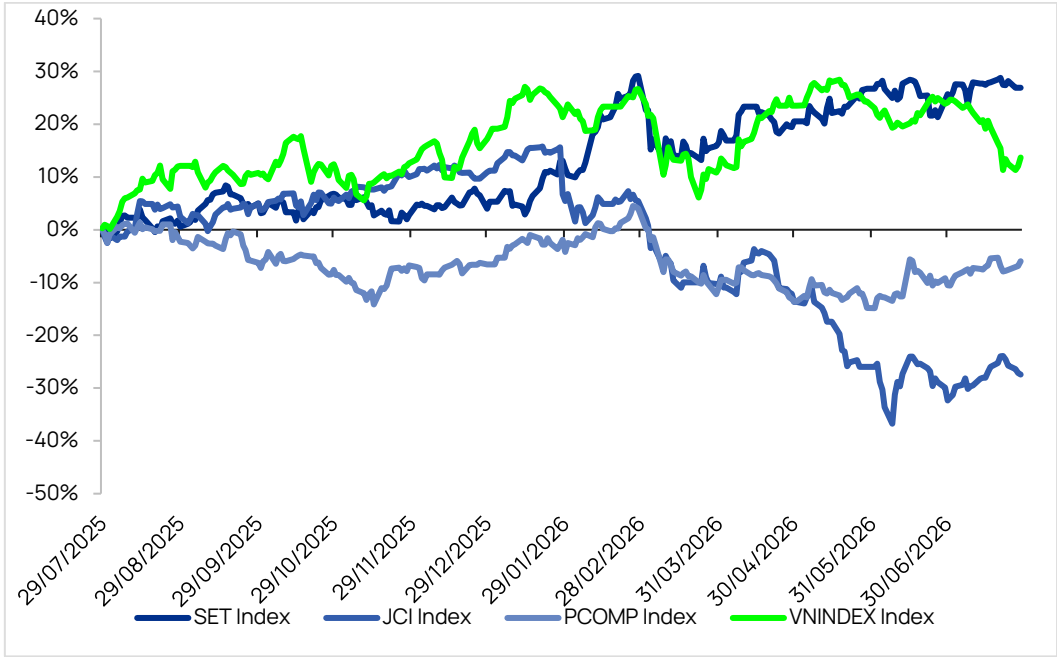
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



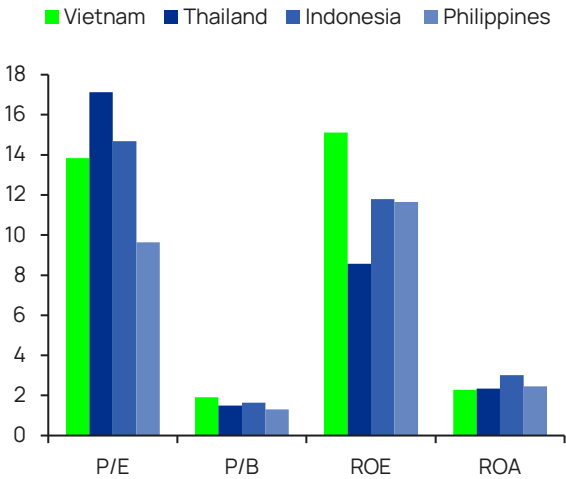
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	17,1	14,8	9,7	13,7
P/B	1,5	1,6	1,3	1,9
ROE (%)	8,6	11,8	11,6	15,1
ROA (%)	2,3	3,0	2,5	2,3
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	614,7	597,1	145,8	302,7
GTGD trung bình, tr USD	1.618,9	1.168,3	81,5	970,3
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	2.286,9	-4.598,0	-182,5	-3.319,3
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	103,0	(240,6)	(13,9)	(174,2)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,58%	7,30%	7,25%	4,21%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyễn Cẩm Giang
Trưởng phòng cao cấp, ext 125
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.